



---

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

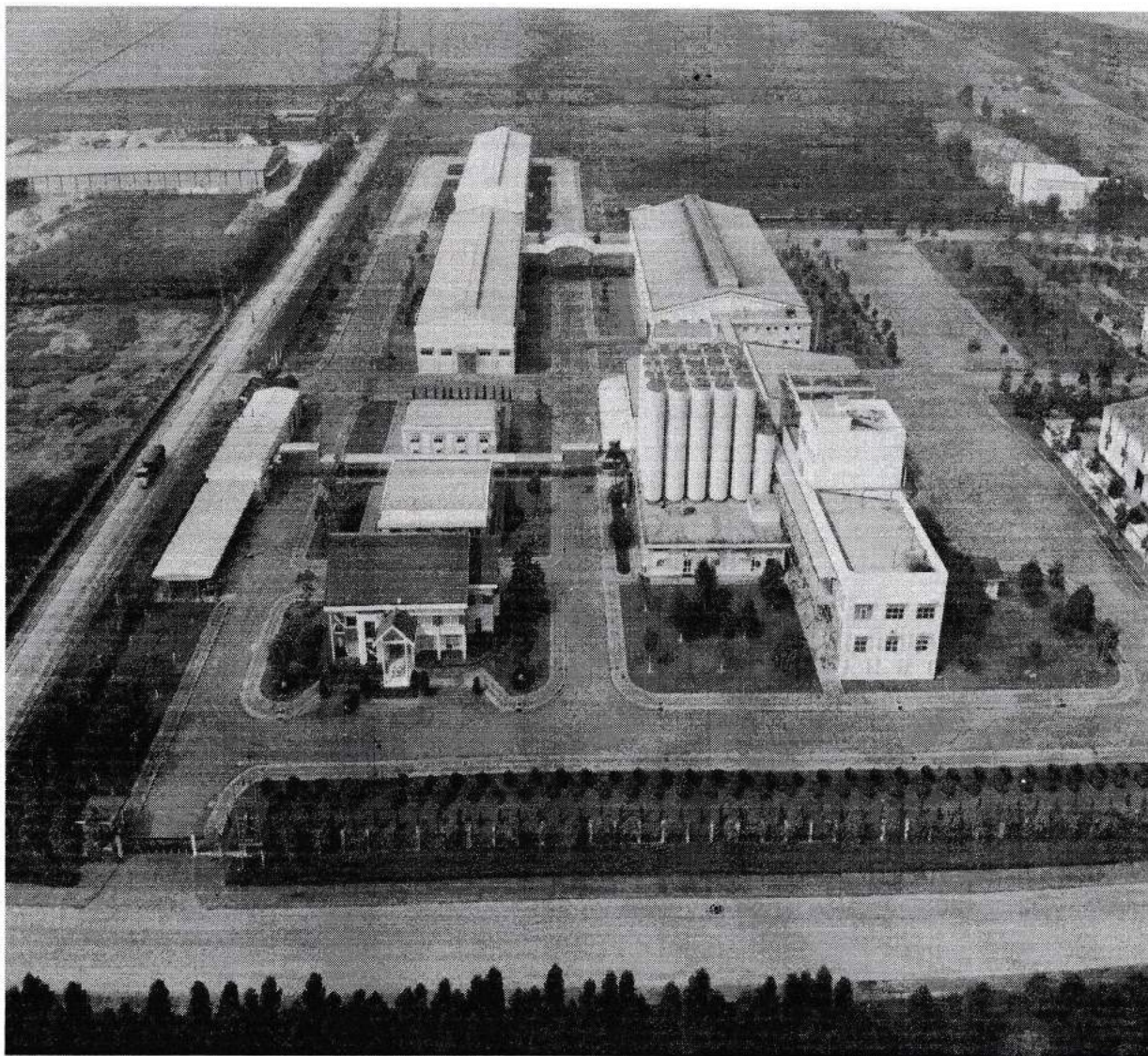
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2021**

*Phú Thọ, tháng 03 năm 2022*



---

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**



**NĂM 2021**

**DANH MỤC BẢNG BIỂU**

|   |    |
|---|----|
| Bảng số 1: Các chỉ tiêu đạt được .....                        | 8  |
| Bảng số 2: Cơ cấu lao động.....                               | 11 |
| Bảng số 3: Tình hình tài chính.....                           | 12 |
| Bảng số 4: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....                    | 12 |
| Bảng số 5: Cơ cấu cổ đông.....                                | 13 |
| Bảng số 6: Tình hình tài sản.....                             | 16 |
| Bảng số 7: Tình hình công nợ.....                             | 17 |
| Bảng số 8: Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT năm 2021. .... | 24 |
| Bảng số 9: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.....     | 32 |
| <br>  |    |
| Sơ đồ số 1: Sơ đồ Bộ máy quản lý .....                        | 2  |

**MỤC LỤC**

|   |           |
|---|-----------|
| <b>I. Thông tin chung .....</b>   | <b>1</b>  |
| 1. Thông tin khái quát .....  | 1         |
| 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....  | 1         |
| 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....  | 1         |
| 4. Định hướng phát triển.....   | 4         |
| 5. Các rủi ro.....  | 6         |
| <b>II. Tình hình hoạt động trong năm.....</b>   | <b>7</b>  |
| 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....   | 7         |
| 2. Tổ chức và nhân sự.....  | 8         |
| 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án .....  | 11        |
| 4. Tình hình tài chính.....   | 11        |
| 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu).....   | 12        |
| 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty .....  | 13        |
| 6.1. Tác động lên môi trường:.....  | 13        |
| 6.2. Quản lý nguyên vật liệu:.....  | 13        |
| 6.3. Tiêu thụ năng lượng:.....  | 14        |
| 6.4. Tiêu thụ nước:.....  | 14        |
| 6.5. Tuân thủ pháp luật về môi trường.....  | 14        |
| 6.6. Chính sách liên quan tới người lao động. ....  | 15        |
| 6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:<br>Không .....  | 15        |
| <b>III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.....</b>   | <b>15</b> |
| 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....   | 15        |
| 2. Tình hình tài chính .....  | 16        |
| 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....   | 17        |
| 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: .....   | 17        |
| <b>IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty .....</b>  | <b>19</b> |
| 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội. .... | 19        |
| 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:.....   | 20        |
| 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: .....  | 20        |
| <b>V. Quản trị công ty. ....</b>  | <b>21</b> |
| 1. Hội đồng quản trị .....  | 21        |
| 2. Ban Kiểm soát.....   | 29        |
| 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát .....                                     | 32        |
| <b>VI. Báo cáo tài chính .....</b>  | <b>33</b> |
| 1. Ý kiến kiểm toán:.....   | 33        |
| 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....  | 33        |

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600393941 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 30/5/2007, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 30/06/2021.
- Vốn điều lệ: 125.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 125.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng)
- Địa chỉ: Khu Công nghiệp Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.
- Số điện thoại: (0210) 3650 688
- Số fax: (0210) 3650 686
- Website: <http://saigonphutho.com.vn/>
- Mã cổ phiếu (nếu có): BSP

*Quá trình hình thành và phát triển*

Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ là đơn vị liên kết của Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và được thành lập năm 2007 với vốn điều lệ 125.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 2600393941 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp lại lần 5 ngày 30/06/2021. Sau khi được thành lập, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ thực hiện dự án xây dựng nhà máy Bia với mức đầu tư khoảng 433 tỷ đồng, công suất 50 triệu lít/năm. Nhà máy được trang bị dây chuyền sản xuất đồng bộ, tiên tiến của tập đoàn Krones Cộng hòa liên bang Đức kết hợp với một số thiết bị trong nước.

Tháng 8/2010 nhà máy chính thức đi vào hoạt động với sản phẩm chủ yếu là bia lon Sài Gòn.

Ngày 03/08/2016, Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn giao dịch chứng khoán Upcom.

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.**

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh  | Mã ngành     |
|-----|---|--------------|
| 1   | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia  | 1103 (Chính) |
| 2   | Khách sạn   | 55101        |
| 3   | Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh   | 1101         |
| 4   | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng   | 1104         |
| 5   | Đại lý du lịch  | 7911         |
| 6   | Điều hành tua du lịch   | 7912         |
| 7   | Sản xuất rượu vang  | 1102         |
| 8   | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động  | 5610         |
| 9   | Sản xuất cồn; Mua bán vật tư, nguyên liệu, phụ tùng phục vụ sản xuất kinh doanh ngành bia, rượu, nước giải khát; Cho thuê kho bãi, nhà xưởng. |              |

- Địa bàn kinh doanh chủ yếu ở miền Bắc.

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

**3.1. Cơ cấu bộ máy quản lý**

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Xuất phát từ đặc điểm sản phẩm, quy trình sản xuất và nguyên tắc hoạt động, để đảm bảo kinh doanh hiệu quả, Công ty đã xây dựng tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban, phân xưởng sản xuất.

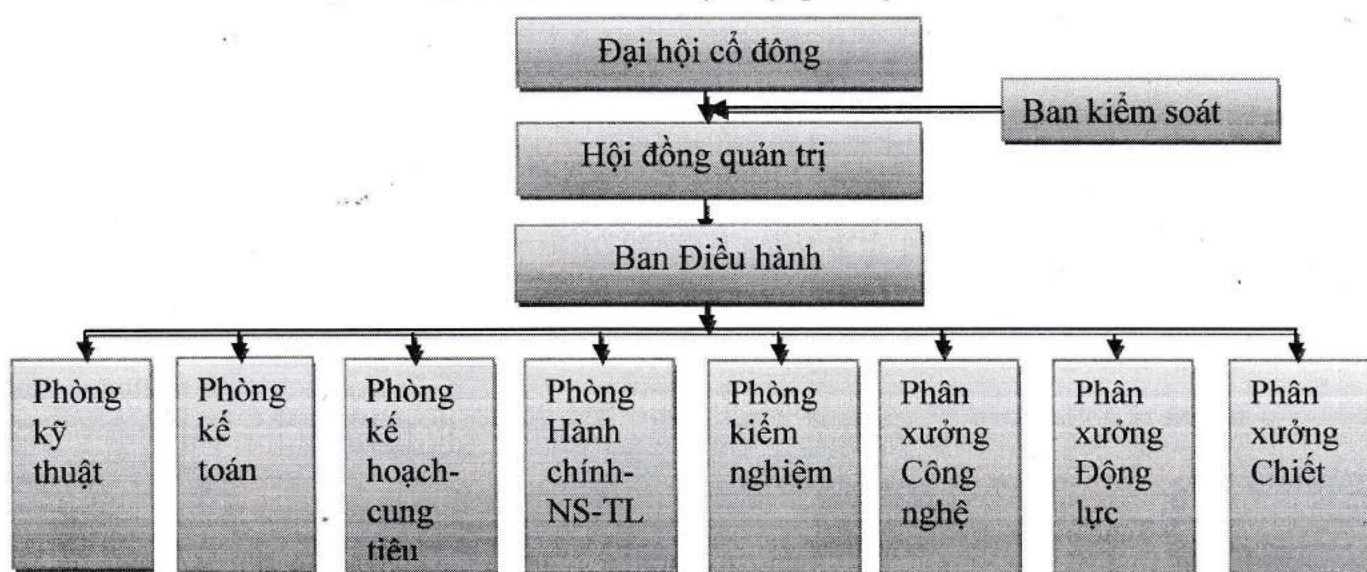
Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm:

- **05 phòng ban:** Phòng Kỹ thuật, Phòng Hành chính - Nhân sự - Tiền lương; Phòng Tài chính kế toán; Phòng Kế hoạch - Cung tiêu, Phòng kiểm nghiệm.

- **03 phân xưởng:** Phân xưởng Công nghệ, phân xưởng Động lực, phân xưởng Chiết.

### 3.2. Mô hình quản trị

**Sơ đồ số 1: Sơ đồ Bộ máy quản lý**



*(Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Phú Thọ)*

#### ➡ Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban như sau:

##### ▪ **Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty cổ phần và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ.

##### ▪ **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị bao gồm 01 Chủ tịch và 04 thành viên với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty.

Hội đồng quản trị gồm:

- |                           |                   |
|---------------------------|-------------------|
| 1- Ông Nguyễn Hoàng Giang | - Chủ tịch HĐQT   |
| 2- Ông Bùi Văn Thiềng     | - Thành viên HĐQT |
| 3- Bà Nguyễn Thu Hương    | - Thành viên HĐQT |
| 4- Ông Võ Sỹ Dũng         | - Thành viên HĐQT |
| 5- Ông Lê Hoài Thanh      | - Thành viên HĐQT |

▪ **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 (ba) thành viên. Ban kiểm soát Công ty có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

Ban Kiểm soát gồm:

- |                              |                             |
|------------------------------|-----------------------------|
| 1- Ông Nguyễn Tiến Thọ       | - Trưởng BKS                |
| 2- Bà Nguyễn Thị Hương Giang | - Thành viên BKS.           |
| 3- Bà Nguyễn Hồ Bảo Ngọc     | - Thành viên Ban kiểm soát. |

▪ **Ban Điều hành:**

Bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách sản xuất và Kế toán trưởng. Ban Điều hành do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Ban Điều hành gồm:

- |  |  |
|--|--|
| 1- Ông Bùi Văn Thiềng                          | - Giám đốc                                   |
| 2- Ông Nguyễn Xuân Trường<br>(ngày 01.06.2021) | - Phó Giám đốc phụ trách sản xuất (bổ nhiệm) |
| 3- Bà Trần Bích Thủy                           | - Kế toán trưởng.                            |

▪ **Phòng Kỹ thuật**

Chịu trách nhiệm trong công tác tổ chức điều hành, thực hiện, kiểm tra, báo cáo kết quả công tác kỹ thuật công nghệ, chất lượng sản phẩm, môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm; Xây dựng các yêu cầu, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, vật tư nguyên liệu; Xây dựng, giám sát, định mức kinh tế kỹ thuật, máy móc thiết bị, tài liệu công nghệ theo quy định của Công ty; Giám sát việc bảo dưỡng, bảo trì thiết bị sản xuất; Giám sát cơ sở hạ tầng... Ngoài ra, Phòng tham gia nghiên cứu các giải pháp công nghệ, các thành tựu kỹ thuật tiên tiến và hoạt động sản xuất, phát triển sản phẩm mới.

▪ **Phòng Hành chính – Nhân sự - Tiền lương**

Đảm nhận và chịu trách nhiệm trong công tác tham mưu xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, quy hoạch cán bộ; Lập kế hoạch đào tạo và tuyển dụng lao động, xây dựng định mức lao động và đơn giá tiền lương hàng năm; Tham mưu cho Ban Giám đốc xây dựng quy chế trả lương, thưởng. Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo luật định và quy chế của Công ty; Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch bảo vệ, an ninh, quốc phòng, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt hàng năm. Theo dõi công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

▪ **Phòng Tài chính kế toán**

Đảm nhận và chịu trách nhiệm trước Công ty về lĩnh vực tài chính kế toán. Phòng có chức năng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm; Tổ chức công tác kế toán hạch toán, lập báo cáo tài chính theo quy định và các báo cáo quản trị theo yêu cầu của Công ty. Chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc lập hóa đơn chứng từ ban đầu cho công tác hạch toán kế toán; hướng dẫn, tổng hợp báo cáo thống kê.

▪ **Phòng Kế hoạch - Cung tiêu.**

Chịu trách nhiệm về Kế hoạch sản xuất, tiêu thụ; Mua vật tư, nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất; Quản lý các kho trong Công ty; Tư vấn Ban lãnh đạo về việc tiêu thụ và phát triển sản phẩm mới. Kết hợp với các phòng ban để xây dựng kế hoạch sản xuất cho từng tháng và cả năm.

▪ **Phân xưởng Chiết.**

Vận hành dây chuyền chiết bia lon và bia hơi theo đúng quy trình công nghệ sản xuất và đảm bảo an toàn lao động; Tiếp nhận bia sau lọc từ bộ phận lọc để chiết bia; Phối hợp với Phòng kỹ thuật và phân xưởng Động lực để thực hiện việc bảo trì bảo dưỡng thiết bị cho toàn dây chuyền; Thực hiện, theo dõi đánh giá việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật tại phân xưởng.

▪ **Phân xưởng Động lực.**

Vận hành các hệ thống thiết bị động lực và hệ thống xử lý nước thải đúng theo quy trình công nghệ sản xuất và đảm bảo an toàn lao động; Đề xuất các biện pháp cần thiết nhằm tiết kiệm năng lượng; Phối hợp với các đơn vị liên quan lập kế hoạch bảo trì thiết bị, kế hoạch đào tạo, kế hoạch bảo hộ lao động của đơn vị hàng năm.

Vận hành các hệ thống xử lý nước và xử lý nước thải đúng theo quy trình công nghệ sản xuất và đảm bảo an toàn lao động. Thực hiện theo dõi, đánh giá việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật tại Phân xưởng

▪ **Phân xưởng công nghệ.**

Thực hiện kiểm soát đầu vào quá trình nấu, lên men và lọc; Tổ chức nhận vật tư, nguyên phụ liệu bổ sung vào công đoạn nấu – lên men- lọc; Vận hành thiết bị, máy móc tại Phân xưởng và thực hiện đảm bảo an toàn lao động trong quá trình sản xuất để đáp ứng yêu cầu sản xuất dịch đường theo kế hoạch sản xuất đã được lãnh đạo duyệt; Cung cấp dịch đường lạnh cho bộ phận lên men theo kế hoạch chất lượng, kế hoạch sản xuất và theo yêu cầu của bộ phận Lên men; Thực hiện quá trình lên men thành bia và lọc bia; Cung cấp bia cho quá trình Chiết rót. Thực hiện, theo dõi đánh giá việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật tại phân xưởng.

▪ **Phòng kiểm nghiệm.**

Kiểm tra chất lượng các vật tư, nguyên liệu đầu vào cho sản xuất và chất lượng bán thành phẩm, thành phẩm tại các công đoạn; Phối hợp với các đơn vị khác trong việc xử lý các sản phẩm không phù hợp trong quá trình sản xuất.

▪ Các công ty con và công ty liên kết: Không có

**4. Định hướng phát triển**

– Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

+ Phân đầu sản xuất kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty, cổ đông, cải



thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

+ Tập trung chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tiết kiệm, hiệu quả, an toàn.  
+ Tăng cường công tác quản lý sản xuất, quản lý tài chính, quản lý rủi ro và giám sát chi tiêu bằng cách kiểm soát hiệu quả công tác thu hồi công nợ, áp dụng các biện pháp tiết giảm chi phí.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

+ Công ty tập trung đảm bảo sự phát triển bền vững và ổn định bằng việc nâng cao chất lượng sản phẩm bia các loại mang lại sự hài lòng cho khách hàng;

+ Đẩy mạnh việc phát triển nhãn hiệu bia hơi, giữ mối quan hệ với các khách hàng hiện có và tiếp cận các khách hàng tiềm năng, linh hoạt nắm bắt cơ hội để mở rộng thị trường.

+ Áp dụng các giải pháp để tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng, từng bước tiến tới sử dụng nguồn năng lượng xanh nhằm tiết kiệm chi phí và bảo vệ môi trường

+ Cải tiến các quy trình, tăng năng suất lao động đảm bảo chất lượng sản phẩm gắn liền với bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, tiết kiệm vật tư, nguyên phụ liệu và năng lượng.

+ Đẩy mạnh công tác đào tạo chuyên sâu và nâng cao năng lực phục vụ công tác quản lý và vận hành.

+ Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất; Chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng, có tác phong công nghiệp và kỷ luật cao.

+ Tiếp tục xem xét và đưa ra thêm các giải pháp phát huy năng lực vốn có của máy móc thiết bị, tránh lãng phí nguồn lực của Công ty trong thời gian tới, tạo thêm công ăn việc làm, tăng thu nhập cho CBCNV, tìm kiếm thêm cơ hội việc làm mới.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

Với mục tiêu hoạt động là phát triển Công ty gắn liền tinh thần trách nhiệm với môi trường, xã hội, quan tâm đến các lợi ích cộng đồng. Công ty luôn ý thức được vai trò và nghĩa vụ của mình, sau đây là các mục tiêu đối với Môi trường và xã hội:

▪ Đối với môi trường:

+ Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, hóa chất. Từng bước tiến tới sử dụng nguồn năng lượng xanh, giảm chi phí cũng như bảo vệ môi trường. Sử dụng những hóa chất thân thiện với môi trường. Giảm thiểu xả thải.

+ Không chỉ tập trung vào quản lý ô nhiễm trong sản xuất mà Công ty quan tâm trong suốt vòng đời của sản phẩm.

+ Luôn luôn kiểm soát để nước thải đạt chất lượng đầu ra theo Quy chuẩn đã đăng ký.

+ Tiếp tục nghiên cứu các giải pháp thích hợp để cải tạo chất lượng nước thải tại hồ sinh học (đã đạt tiêu chuẩn QCVN 40: 2011) về tiêu chuẩn của chất lượng nước có thể dùng trong vệ sinh công nghiệp, tưới cây để giảm định mức tiêu thụ nước của Công ty.

+ Các chất thải nguy hại, chất thải thông thường được phân loại, thu gom và xử lý đúng theo quy định.

- + Nghiên cứu sử dụng các nguồn nguyên nhiên liệu thay thế không gây ô nhiễm môi trường, tiếp tục sản xuất ổn định nhằm tạo công ăn việc làm cho người lao động trên địa bàn.
- + Tiết kiệm năng lượng, giảm tiêu hao tài nguyên trong quá trình sản xuất.
- + Bảo vệ môi trường làm việc cho người lao động trong Công ty cũng như môi trường xung quanh nơi Công ty hoạt động, không gây ảnh hưởng đến cộng đồng. Tích cực cải tạo cảnh quan theo hướng xanh, sạch, đẹp.
  - Đối với an toàn thực phẩm
- + Sản phẩm do Công ty sản xuất không có nguy cơ mất vệ sinh an toàn thực phẩm. Duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000: 2018.
- + Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan đến vấn đề an toàn thực phẩm trong sản xuất.
  - Đối với cộng đồng xã hội.
- + Công ty luôn dành sự quan tâm đối với an sinh xã hội, ủng hộ người nghèo, các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh nghèo vượt khó tại địa phương.
- + Thăm hỏi, động viên và hỗ trợ gia đình CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, có thân nhân mắc bệnh hiểm nghèo.
- + Tham gia ủng hộ do Hội chữ thập đỏ địa phương phát động.
- + Hỗ trợ, quan tâm tới Người lao động đảm bảo sức khỏe và an toàn cho người lao động nhất là trong thời điểm có dịch bệnh Covid – 19 lây lan (nếu có) theo khuyến cáo của Bộ y tế.

##### **5. Các rủi ro**

###### **⚡ Rủi ro trong chuỗi cung ứng từ bên ngoài:**

Trong năm, dịch bệnh bùng phát mạnh đã là một trong các nguyên nhân ảnh hưởng tới thời gian cung ứng các nguyên liệu, vật tư từ các nhà cung cấp tới của Công ty, vật tư, nguyên liệu không được giao đúng hạn hoặc giao thiếu. Do đó gây ra sự gián đoạn trong sản xuất. Ngoài ra, sự sai lỗi của vật tư từ các nhà cung cấp đã làm cho tiến độ sản xuất của Công ty bị trì hoãn do thiếu nguồn cung.

###### **⚡ Rủi ro về đặc thù hoạt động:**

Do sản lượng bia lon và nhiều nguyên vật liệu, phụ gia chính để sản xuất, tiêu thụ sản phẩm phụ thuộc chủ yếu vào SABECO nên Công ty có thể gặp một số rủi ro khi SABECO thay đổi chính sách và chiến lược kinh doanh với các Công ty liên kết.

Với việc nắm giữ trực tiếp 27,03% vốn điều lệ của Công ty, các ý kiến biểu quyết của SABECO tại Đại hội đồng cổ đông rất cần sự đồng thuận của SABECO qua đó giúp định hướng và các chiến lược sản xuất và kinh doanh được thực hiện hiệu quả mang lại giá trị kinh tế cho các cổ đông. Trong trường hợp không nhận được sự đồng thuận của SABECO, có thể Công ty sẽ không có nhiều sự đổi mới để tận dụng được các cơ hội trong sản xuất và kinh doanh.

###### **⚡ Rủi ro về thị trường.**

Sự cạnh tranh khốc liệt của các hãng bia trong và ngoài nước. Các hãng bia lớn trong và ngoài nước với tiềm lực kinh tế và kinh nghiệm đang tiếp tục đầu tư vào các hoạt động quảng bá sản phẩm và bán hàng nhằm gia tăng thị phần. Các sản phẩm bia cao cấp của các

đổi thủ đang được người tiêu dùng trong nước ưa chuộng, trong đó sản phẩm của công ty thuộc phân khúc phổ thông, do đó Công ty luôn luôn phải đảm bảo chất lượng, dịch vụ ở mức tốt nhất để làm hài lòng khách hàng.

Việc dịch Covid bùng phát lần 4 và kéo dài trong năm dẫn đến các dịch vụ như quán ăn, du lịch, hội nghị phải hạn chế/ ngừng hoạt động đã ảnh hưởng tới việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của Công ty trong tháng 2,3 , 7, 8, 9 của năm 2021.

Đối với sản phẩm bia hơi: Phụ thuộc nhiều vào thời tiết trong năm, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng vào mùa hè, thị trường tiêu thụ tại các khu vực nông thôn, nơi dân cư tập trung mật độ thấp.

⬇️ **Rủi ro về nhân lực:**

Trong năm 2021, dịch Covid xuất hiện tại các địa phương nơi nhân viên của Công ty sinh sống, đã có nhiều nhân viên là F1 và F2 phải cách ly tại nhà theo quy định của cơ quan hữu quan. Trong khi đó, một số vị trí tại các phân xưởng đều là người cùng địa bàn, vì vậy, nguy cơ không có lao động thay thế là không tránh khỏi. Công ty đã phải bố trí một số lao động thực hiện 3 tại chỗ và phải đào tạo tại chỗ thêm nhân sự từ các vị trí khác để bổ sung khi cần thiết.

⬇️ **Rủi ro về môi trường.**

Các sự cố về cháy nổ có thể xảy ra: Cháy có thể sinh ra do chập điện, cháy các loại bao bì, nhãn mác, vật tư, thiết bị, máy móc, nhà xưởng... Ngoài những thiệt hại về tài sản, vật chất, con người, hậu quả của các đám cháy sẽ rất nặng nề nếu lan sang các kho chứa. Khói của đám cháy có thể mang theo nhiều loại hoạt chất, làm ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước, gây ảnh hưởng trên diện rộng bao gồm khu dân cư, các cơ sở sản xuất công nghiệp, người và phương tiện giao thông trên đường. Sự cố có thể gây thương vong, ngộ độc.

Sự cố về nước thải không đạt: Nước thải được gom về khu xử lý nước thải, chất lượng nước thải trước khi thải ra môi trường phải đảm bảo tuân thủ theo QCVN 40:2011/BTNMT, khi một trong các chỉ tiêu của nước thải sau xử lý không đạt sẽ vi phạm đến các quy định của pháp luật, dẫn đến Công ty phải ngừng sản xuất để khắc phục.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

### **1. Tình hình chung.**

Năm 2021 là năm nối tiếp các ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid 19 với rất nhiều biến động với không ít thách thức đối với ngành Bia nói chung và Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ riêng:

- Đợt dịch thứ 4 bùng phát trên toàn quốc đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới chuỗi cung ứng cũng như sản xuất và kinh doanh của Công ty. Việc đóng cửa các hoạt động du lịch, dịch vụ, tạm dừng quán ăn nhà hàng kéo dài đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới sản xuất và kinh doanh của Công ty trong tháng 2, 4, 7, 8, 9 năm 2021, gần như Công ty ngừng sản xuất hoàn toàn.
- Sự cạnh tranh của các hãng bia giành thị phần ngày càng khốc liệt, do đó Công ty luôn luôn phải chủ động nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng các nhu cầu của khách hàng.
- Chi phí vận chuyển tăng cao do có những tháng giãn cách xã hội việc lưu thông hàng hóa phải thực hiện qua nhiều địa phương có dịch.
- Các vật tư, nguyên vật liệu của các nhà cung cấp sai lỗi liên tục đã ảnh hưởng không ít tới tiến độ sản xuất của Công ty. Nhiều thời điểm phải dừng sản xuất để đợi vật tư.

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Năm 2021

- Phát sinh thêm các chi phí phòng chống dịch...Thời điểm cuối năm, khi sản xuất phục bắt đầu phục hồi, việc điều tiết vật tư, nguyên vật liệu, phụ gia gặp nhiều khó khăn dẫn đến biến động tăng các chi phí vận tải nguyên vật liệu đầu vào: vỏ lon, malt ...do phải luân chuyển từ các nơi các khoảng cách địa lý xa.
- Việc duy trì máy móc hoạt động, bảo quản bán thành phẩm, vật tư trong thời gian nghỉ sản xuất kéo dài/ gián đoạn dẫn đến các chi phí về điện, hơi, nước, hóa chất tăng cao.
- Một số dự án đầu tư không thể thực hiện theo đúng tiến độ do việc đi lại của các nhà thầu bị hạn chế.
- Thiếu nguồn tiền để duy trì hoạt động trong những thời gian sản xuất không liên tục.
- Bố trí cho nhân viên nghỉ ngừng việc nhiều đợt dẫn đến thu nhập người lao động giảm.

📌 Các chỉ tiêu đạt được trong năm 2021

Bảng số 1: Các chỉ tiêu đạt được

| STT | Nội dung                   | Đơn vị    | Thực hiện năm 2020 | Thực hiện năm 2021 | % TH 2021/TH 2020 |
|-----|----------------------------|-----------|--------------------|--------------------|-------------------|
| 1   | Tổng sản lượng sx          | Triệu lít | 40,580             | 44,89              | 110,6             |
| 2   | Tổng sản lượng tiêu thụ    | Triệu lít | 40,070             | 44,68              | 111,7             |
| 3   | Tổng lợi nhuận trước thuế. | Tỷ đồng   | 12,2               | 21,876             | 178,2             |
| 4   | Tổng lợi nhuận sau thuế.   | Tỷ đồng   | 11,2               | 18,463             | 163,5             |

(Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Phú Thọ)

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Danh sách Ban điều hành

| STT | Họ và tên          | Chức vụ               | Ghi chú                  |
|-----|--------------------|-----------------------|--------------------------|
| 1   | Bùi Văn Thiêng     | Giám đốc              |                          |
| 2   | Nguyễn Xuân Trường | Phó Giám đốc sản xuất | Bổ nhiệm ngày 01.06.2021 |
| 3   | Trần Bích Thủy     | Kế toán trưởng        |                          |

### 📌 Lý lịch thành viên Ban điều hành

**BÙI VĂN THIÊNG**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 04/04/1964
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số Căn cước công dân: 030064004826 cấp ngày 25/4/2021, nơi cấp : Cục CS QLHC về TTXH
- Quê quán: Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: B04 – L31 An Phú, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 0903 278 818

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Năm 2021

- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa thực phẩm
- Quá trình công tác:

|                           |   |   |
|---------------------------|---|---|
| Từ 1997 - 2005            | : | Cán bộ kỹ thuật Rượu Đồng Xuân                    |
| Từ 2005 - 2006            | : | P.Giám đốc công ty Rượu Đồng Xuân                 |
| Từ 2007 - 2008            | : | Giám đốc nhà máy Bia Sài Gòn- Mê Linh             |
| Từ 2009 - 2010            | : | Ban Quản lý dự án công ty Bia Sài Gòn- Phú Thọ    |
| Từ 2010 - 4/2014          | : | Phó Giám đốc Công ty Bia Sài Gòn- Phú Thọ         |
| Từ tháng 4/2014 – đến nay | : | Giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ          |
| Từ tháng 5/2017 – đến nay | : | Thành viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ. |

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn - Phú Thọ.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 1.403.370 cổ phần, chiếm tỷ lệ 11.227% vốn điều lệ.  
Trong đó:
  - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 153.370 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1.227% vốn điều lệ.
  - + Cổ phần đại diện sở hữu: 1.250.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 10% vốn điều lệ.
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 1.438 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.011% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 23/12/1986
- Nơi sinh: Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số căn cước công dân: 037086007262 cấp ngày 10/04/2021
- Quê quán: Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: Thị trấn Hưng Hóa, Tam Nông, Phú Thọ.
- Số điện thoại liên lạc: 0912888793
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư tự động hóa
- Quá trình công tác:

|                                      |   |  |
|--------------------------------------|---|--|
| Từ tháng 05/2010 - tháng 07/ 2011    | : | Công nhân Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ                 |
| Từ tháng 07/2011 - tháng 03/2015     | : | Trưởng ca Tổ Chiết Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ        |
| Từ tháng 03/2015 - tháng 01/2016     | : | Tổ trưởng Tổ Chiết Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ        |
| Từ tháng 01/2016 - hết tháng 05/2021 | : | Quản đốc Phân xưởng Chiết Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ |
| Từ tháng 6/2021 đến nay              | : | Phó Giám đốc sản xuất Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ     |

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Phó Giám đốc sản xuất Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 1.438 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.011% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**TRẦN BÍCH THỦY**

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 26/06/1984
- Nơi sinh : Xuân Trung, Xuân Trường, Nam Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số thẻ căn cước công dân : 036184023237 ngày 28.06.2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH
- Quê quán : Xuân Trung, Xuân Trường, Nam Định
- Địa chỉ thường trú : Dân Quyền, Tam Nông, Phú Thọ
- Số điện thoại liên lạc : 0979.978.105
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác :

|                     |   |  |
|---------------------|---|--|
| Từ 2008 đến 2010    | : | Nhân viên Công ty SilkRoad Systems Việt Nam              |
| Từ 2010 đến 2013    | : | Nhân viên Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ               |
| Từ 2013 đến 11/2015 | : | Phụ trách phòng kế toán Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ |
| Từ 11/2015 đến nay  | : | Kế toán trưởng Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ          |

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Kế toán trưởng Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ.

Trong đó :

- + Cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu của : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

– Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

2.2. **Những thay đổi trong Ban điều hành:** Từ ngày 01.06.2021, bổ nhiệm Ông Nguyễn Xuân Trường đảm nhiệm chức vụ Phó Giám đốc phụ trách sản xuất của Công ty.

2.3. **Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.**

**Bảng số 2: Cơ cấu lao động**

| <b>Cơ cấu lao động</b>             | <b>Số người</b> | <b>Tỷ lệ (%)</b> |
|------------------------------------|-----------------|------------------|
| <b>Phân theo trình độ lao động</b> |                 |                  |
| Đại học và trên đại học            | 38              | 33.04            |
| Cao đẳng                           | 16              | 13.91            |
| Trung cấp                          | 33              | 28.69            |
| Công nhân kỹ thuật                 | 28              | 24.34            |
| Lao động phổ thông                 |                 |                  |
| <b>Phân loại theo giới tính</b>    |                 |                  |
| Nam                                | 77              | 66.96            |
| Nữ                                 | 38              | 33.04            |

*(Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Phú Thọ)*

⬇️ **Chính sách với người lao động.**

- Bảo đảm thực hiện đầy đủ các chính sách cho người lao động như về Bảo hiểm: đóng BHXH, BHYT, BHTN đúng quy định. Thực hiện tốt chính sách và bảo đảm quyền lợi cho người lao động khi nghỉ việc, ốm đau và thai sản.
- Cấp phát đầy đủ Bảo hộ lao động, phương tiện lao động cho từng đối tượng lao động.
- Với một số đối tượng lao động tại các bộ phận có tiếp xúc với 1 trong những yếu tố độc hại, nguy hiểm Công ty đã thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật theo ngày/ ca làm việc.
- Đặc biệt quan tâm tới sức khỏe người lao động, thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch theo khuyến cáo của cơ quan hữu quan.
- Trong năm, do ảnh hưởng của dịch Covid – 19, Công ty phải bố trí lao động ngừng việc và trả lương ngừng việc cho người lao động để họ đảm bảo mức sống tối thiểu.
- Ngoài ra, Công ty cũng hỗ trợ người lao động trong thời gian dịch bệnh bùng phát kéo dài, giúp Người lao động phần nào giảm bớt khó khăn vượt qua đại dịch .
- Ngoài ra, do ảnh hưởng của dịch bệnh, Nhà nước đã hỗ trợ người lao động 0,5 % tiền lương đóng bảo hiểm tai nạn lao động từ 1/7/2021 - 30/6/2022, số tiền này được Công ty chi trả vào lương hằng tháng.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có.
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

**4. Tình hình tài chính**

- a) Tình hình tài chính

**Bảng số 3: Tình hình tài chính**

| Chỉ tiêu                          | Năm 2020<br>(VNĐ) | Năm 2021<br>(VNĐ) | 2021/<br>2020 (%) |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Tổng giá trị tài sản              | 412.133.795.040   | 331.921.929.137   | 80.53             |
| Doanh thu thuần                   | 345.542.706.412   | 391.359.590.054   | 113.26            |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 12.181.893.774    | 21.476.183.327    | 173.3             |
| Thuế và các khoản phải nộp        | 345.035.529.834   | 399.601.801.223   | 115.81            |
| Lợi nhuận trước thuế              | 12.275.526.809    | 21.876.716.790    | 178.2             |
| Lợi nhuận sau thuế                | 11.290.760.012    | 18.462.993.341    | 163.52            |
| Tỷ lệ trả cổ tức                  | 15%               | 20 %              | 133               |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và năm 2021 của Công ty)

– Các chỉ tiêu khác: Không có.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

**Bảng số 4: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

| CHỈ TIÊU   | Đơn vị<br>tính | Năm<br>2020 | Năm<br>2021 | Ghi<br>chú |
|--|----------------|-------------|-------------|------------|
| <b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                            |                |             |             |            |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn<br>(TSLĐ/Nợ ngắn hạn)                      | Lần            | 1,2         | 1,59        |            |
| Hệ số thanh toán nhanh<br><u>TSLĐ – Hàng tồn kho</u><br>Nợ ngắn hạn  | Lần            | 0,85        | 0,927       |            |
| <b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                                     |                |             |             |            |
| Hệ số Nợ/Tổng Tài sản  | %              | 44,7        | 32,6        |            |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu  | %              | 80,82       | 48,43       |            |
| <b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                             |                |             |             |            |
| Vòng quay hàng tồn kho<br><u>Giá vốn hàng bán</u><br>Hàng tồn kho BQ | Vòng           | 4,92        | 5,05        |            |
| Doanh thu thuần/Tổng Tài sản BQ                                      | Lần            | 0,84        | 1,18        |            |
| <b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                              |                |             |             |            |
| Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                                   | %              | 3,26        | 4,72        |            |
| Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần                                    | %              | 3,52        | 5,49        |            |
| Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ                                 | %              | 4,95        | 8,26        |            |
| Lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản BQ                                   | %              | 2,74        | 5,56        |            |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, 2021 của Công ty)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

– Tổng số cổ phần: 12.500.000 cổ phần

– Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông



- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 12.500.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 0 cổ phiếu.

b) Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 14/1/2022:

**Bảng số 5: Cơ cấu cổ đông**

| STT              | Loại cổ đông              | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần  | Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp |
|------------------|---------------------------|------------------|-------------------|-----------------------------------|
| <b>1</b>         | <b>Cổ đông trong nước</b> | <b>223</b>       | <b>12,481,350</b> | <b>99,851</b>                     |
| 1.1              | Tổ chức                   | 5                | 4,363,100         | 34,9048                           |
| 1.2              | Cá nhân                   | 218              | 8,118,250         | 64,946                            |
| <b>2</b>         | <b>Cổ đông nước ngoài</b> | <b>05</b>        | <b>18,650</b>     | <b>0,1492</b>                     |
| 2.1              | Tổ chức                   | 01               | 1,150             | 0,0092                            |
| 2.2              | Cá nhân                   | 04               | 17,500            | 0,14                              |
| <b>3</b>         | <b>Cổ phiếu quỹ</b>       | <b>0</b>         | <b>0</b>          | <b>0</b>                          |
| <b>Tổng Cộng</b> |                           | <b>228</b>       | <b>12,500,000</b> | <b>100</b>                        |

*(Nguồn: Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ)*

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- e) Các chứng khoán khác: Không có.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

**6.1. Tác động lên môi trường:**

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: *Không có*

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: *Không có*

**6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu: :**

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

| STT | Tên nguyên liệu chính | Đơn vị tính | Lượng sử dụng 2021 |
|-----|-----------------------|-------------|--------------------|
| 1   | Vỏ lon                | Cái         | 94.118.863         |
| 2   | Nắp lon               | Cái         | 98.256.629         |
| 3   | Thùng giấy            | Cái         | 4.348.741          |
| 4   | Malt                  | kg          | 4.364.924          |
| 5   | Gạo                   | kg          | 1.613.227          |
| 6   | Men bia               | kg          | 44.780             |
| 7   | Hoa houblon           | kg          | 1.632,8            |
| 8   | Enzyme hỗ trợ lên men | kg          | 330                |

- b) Báo cáo tỉ lệ phân trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

**6.3. Tiêu thụ năng lượng:**

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

**Năm 2021**

| STT | Nhiên liệu | Đơn vị tính | Lượng sử dụng 2021 |
|-----|------------|-------------|--------------------|
| 1   | Điện       | kwh         | 3.925.240          |
| 2   | Dầu FO     | kg          | 145.090            |
| 3   | Dầu Diezen | lit         | 26.012             |
| 4   | Khí đốt    | kg          | 816                |
| 5   | Hơi        | Tấn         | 10.071             |

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:  
Không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này:  
Không có.

**6.4. Tiêu thụ nước:**

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Công ty ký hợp đồng mua bán nước với Công ty cổ phần nước sạch Phú Thọ.
- Lượng nước sử dụng trong năm 2021:

| STT | Tên  | Đơn vị tính    | Lượng sử dụng 2021 |
|-----|------|----------------|--------------------|
| 1   | Nước | m <sup>3</sup> | 251.139            |

*(Nguồn: Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ)*

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

**6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:  
Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

**6.6. Chính sách liên quan đến người lao động.**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

| Năm                                | 2020      | 2021      |
|------------------------------------|-----------|-----------|
| Lao động bình quân (người)         | 119       | 115       |
| Lương bình quân (đồng/người/tháng) | 9.425.000 | 9.538.000 |

*(Nguồn: Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ)*

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Thời gian làm việc: 8h/ngày, 44 giờ/tuần, nghỉ trưa 1,5h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV thỏa thuận làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.
- Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản thực hiện theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc.
- Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

- Định kỳ, Công ty tổ chức khám sức khỏe cho người lao động theo đúng quy định. Ngoài ra, hàng năm thực hiện đo kiểm môi trường lao động, các lần kiểm tra không có chỉ tiêu nào vượt ngưỡng cho phép.
  - Công ty hỗ trợ cho người lao động trong công tác phòng dịch bệnh covid – 19.
  - Chăm lo bữa ăn ca hằng ngày, các chế độ độc hại cho người lao động.
  - Các chế độ phúc lợi vào các dịp lễ tết được Công ty thực hiện đầy đủ.
- c) *Hoạt động đào tạo người lao động:*
- Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cấp kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ qua các khóa đào tạo trực tuyến, các buổi hội thảo do Tổng Công ty SABECO và các đối tác tổ chức. Ngoài ra, các khóa đào tạo theo quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm được công ty triển khai đầy đủ.
  - Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: 40h/nhân viên/năm.
- d) *Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.*
- Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện một số hoạt động nhằm chung tay chia sẻ các khó khăn cùng với cộng đồng, địa phương:
    - + Hỗ trợ cho các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong huyện Tam Nông.
    - + Ủng hộ tiền cho công tác phòng chống dịch Covid – 19.
    - + Hỗ trợ quỹ người cao tuổi nhân tháng hành động vì Người cao tuổi Việt Nam.
    - + Ủng hộ quỹ khuyến học huyện Tam Nông.
    - + Tặng quà cho nhân dân tại một số xã thuộc Huyện Tam Nông tỉnh Phú Thọ nhân dịp tết nguyên đán.
    - + Hỗ trợ kinh phí cho các gia đình CBCNV trong Công ty có gia cảnh đặc biệt khó khăn, gia đình có thân nhân mắc bệnh hiểm nghèo.
    - + Ủng hộ các phong trào văn hóa thể dục, thể thao của địa bàn hoạt động của Công ty.

6.7. *Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không.*

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.**

##### **Thuận lợi:**

- Được sự quan tâm, hợp tác, hỗ trợ của các cấp chính quyền địa phương, của Hội đồng quản trị cũng như nỗ lực của Ban Điều hành và sự đoàn kết, quyết tâm cao của tất cả Cán bộ công nhân viên, Công ty từng bước vượt qua mọi khó khăn, thách thức để hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất và kinh doanh năm 2021.
- Sự điều hành linh hoạt của Tổng công ty giúp Công ty giảm được một phần các chi phí lưu kho, bảo quản sản phẩm.
- Chính sách bán hàng bia hơi của Công ty linh hoạt, thích ứng với các điều kiện thực tế giúp sản phẩm của Công ty gắn kết với khách hàng.

##### **Khó khăn:**

- Đợt dịch thứ 4 bùng phát trên toàn quốc đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới chuỗi cung ứng cũng như sản xuất và kinh doanh của Công ty đặc biệt là các tháng 2, 4, 7, 8, 9 năm 2021.
- Chi phí vận chuyển tăng cao do có những tháng giãn cách xã hội việc lưu thông hàng hóa phải thực hiện qua nhiều địa phương có dịch.
- Phát sinh thêm các chi phí phòng chống dịch... Thời điểm cuối năm, khi sản xuất bắt đầu phục hồi, việc điều tiết vật tư, nguyên vật liệu, phụ gia gặp nhiều khó khăn dẫn đến biến động tăng các chi phí vận tải nguyên vật liệu đầu vào: vỏ lon, malt ...do phải luân chuyển từ các nơi các khoảng cách địa lý xa. Ngoài ra, Các vật tư, nguyên vật liệu của các nhà cung cấp sai lỗi liên tục đã ảnh hưởng không ít tới tiến độ sản xuất và hiệu suất thu hồi của Công ty. Nhiều thời điểm phải dừng sản xuất để đợi vật tư.
- Một số máy móc thiết bị, cơ sở hạ tầng đến kỳ bảo dưỡng, sửa chữa lớn, cơ sở hạ tầng cần cải tạo, thay thế dẫn đến chi phí bảo dưỡng, sửa chữa cải tạo cao.
- Việc duy trì máy móc hoạt động, bảo quản bán thành phẩm, vật tư trong thời gian nghỉ sản xuất kéo dài/ gián đoạn dẫn đến các chi phí về điện, hơi, nước, hóa chất tăng cao.
- Một số dự án đầu tư không thể thực hiện theo đúng tiến độ do việc đi lại của các nhà thầu bị hạn chế.
- Thiếu nguồn tiền để duy trì hoạt động trong những thời gian sản xuất không liên tục.
- Bố trí cho nhân viên nghỉ ngừng việc nhiều đợt dẫn đến thu nhập người lao động giảm.

Để đạt được kết quả trên Công ty cổ phần Bia Sài – Phú Thọ đã khắc phục và vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, nắm bắt và khai thác hiệu quả các cơ hội, quản lý hệ thống và điều hành linh hoạt theo diễn biến của thị trường, các kết quả đạt được đã khẳng định rằng năm 2021, Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên công ty đã cố gắng phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra, mang lại lợi nhuận cho công ty và đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên, tạo uy tín cho khách hàng.

## 2. *Tình hình tài chính*

### a) Tình hình tài sản

**Bảng số 6: Tình hình tài sản**

| Chỉ tiêu                              | Năm 2020               | Năm 2021               |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Tài sản ngắn hạn</b>               | <b>213.468.608.223</b> | <b>167.475.277.642</b> |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 133.066.762.733        | 76.683.583.405         |
| 2. Các khoản phải thu ngắn hạn        | 15.977.545.619         | 19.321.626.812         |
| - Phải thu khách hàng                 | 11.500.832.680         | 6.037.635.812          |
| - Trả trước cho người bán             | 4.189.079.300          | 12.736.043.788         |
| - Phải thu ngắn hạn khác              | 287.633.639            | 547.947.212            |
| 3. Hàng tồn kho                       | 64.294.669.220         | 70.005.087.482         |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác              | 129.630.651            | 1.464.979.943          |
| Chi phí trả trước ngắn hạn            | 129.630.651            | 1.464.979.943          |
| Thuế và các khoản phải thu NN         | 0                      | 0                      |
| <b>Tài sản dài hạn</b>                | <b>198.665.186.817</b> | <b>164.446.651.495</b> |

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Năm 2021

| Chỉ tiêu                          | Năm 2020        | Năm 2021        |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|
| 1. Các khoản phải thu dài hạn     | 0               | 0               |
| 2. Tài sản cố định                | 190.964.052.851 | 153.002.318.040 |
| - Tài sản cố định hữu hình        | 190.964.052.851 | 153.002.318.040 |
| 3. Tài sản dở dang dài hạn        | 0               | 1.152.967.002   |
| - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 0               | 1.152.967.002   |
| 4. Tài sản dài hạn khác           | 7.701.133.966   | 10.291.366.453  |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, năm 2021 của Công ty)

- b) Tình hình nợ phải trả
- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

**Bảng số 7: Tình hình công nợ**

| NỢ PHẢI TRẢ                                   | Năm 2020<br>(Đồng)     | Năm<br>2021(Đồng)      |
|---|------------------------|------------------------|
| <b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>                         | <b>184.211.910.085</b> | <b>108.299.958.441</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                         | <b>175.596.321.995</b> | <b>105.158.114.717</b> |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn          | 94.114.834.692         | 7.490.434.790          |
| 2. Phải trả cho người bán ngắn hạn            | 8.306.051.447          | 7.680.816.809          |
| 3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn          | 54.096.300             | 66.352.917             |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước        | 49.145.293.814         | 62.615.439.219         |
| 5. Phải trả người lao động                    | 2.604.564.000          | 3.427.415.012          |
| 6. Chi phí phải trả                           | 3.751.817.383          | 5.145.774.115          |
| 7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 15.160.167.250         | 15.920.286.064         |
| 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi                   | 2.459.497.109          | 2.811.595.791          |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                         | <b>8.615.588.090</b>   | <b>3.141.843.724</b>   |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn           | 8.615.588.090          | 3.141.843.724          |

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2020, năm 2021 của Công ty)

3. **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.**
- Cơ cấu tổ chức của Công ty thực hiện theo quy định tại Điều lệ. Dưới Ban Điều hành có các phòng ban với chức năng và nhiệm vụ công việc cụ thể với sự giám sát và điều hành sát sao của các trường bộ phận. Chính sách của công ty đảm bảo theo đúng luật định hiện hành của nhà nước Việt Nam. Chính sách trả lương cho nhân viên và chế độ đãi ngộ tốt đã giúp công ty duy trì được nguồn nhân lực ổn định, có tâm huyết làm việc cho công ty.
  - Các biện pháp kiểm soát: Công ty có Ban kiểm soát gồm các thành viên độc lập, giám sát hoạt động tài chính cũng như quản lý của công ty.
  - Triển khai và ứng dụng các phần mềm sản xuất, kế toán.
4. **Kế hoạch phát triển trong tương lai:**
- Là đơn vị liên kết của Sabeco, được Sabeco bao tiêu toàn bộ sản phẩm sản xuất (không bao gồm bia hơi), do đó, để tăng năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm,

Công ty định hướng phát triển theo mô hình dây chuyền, tự động hóa cao, tiết kiệm chi phí vật tư, hóa chất và năng lượng, gắn liền với giữ gìn môi trường xanh sạch đẹp. Xây dựng đội ngũ Cán bộ công nhân viên có kiến thức và kinh nghiệm, năng động, nhiệt tình tâm huyết với công việc.

- Đối với sản phẩm bia hơi, hàng năm công ty có những chính sách bán hàng phù hợp đi đôi với việc đảm bảo chất lượng sản phẩm bia, tạo uy tín với khách hàng.
- Tiếp tục xem xét và đưa ra thêm các giải pháp phát huy năng lực vốn có của máy móc thiết bị, tránh lãng phí nguồn lực của Công ty trong thời gian tới, tạo thêm công ăn việc làm, tăng thu nhập cho CBCNV, tìm kiếm thêm cơ hội việc làm mới.
- Tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội.
- Ứng dụng khoa học kỹ thuật, sử dụng các phần mềm hiện đại trong sản xuất và kinh doanh để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Chú trọng đào tạo đội ngũ CBCNV và các kiến thức chuyên sâu, kỹ năng mềm.

**Giải pháp thực hiện:**

- Luôn tuân thủ các quy định, yêu cầu của TCT ở tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là quy trình công nghệ sản xuất, quản lý thiết bị, quản lý sản phẩm, vật tư, tồn kho, kế hoạch sản xuất và giao hàng theo S& OP.
- Chủ động triển khai thực hiện đạt hoặc vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, các nghị quyết khác đã được TCT và Đại hội đồng cổ đông giao.
- Chủ động Cân đối nguồn vốn, dòng tiền để đảm bảo ổn định sản xuất, kinh doanh.
- Duy trì thực hiện/ cải tiến các giải pháp tiết kiệm năng lượng, tăng năng suất lao động đảm bảo chất lượng sản phẩm gắn liền với bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, tiết kiệm vật tư, nguyên phụ liệu.
- Tiếp tục chủ động hoàn thiện cấu hình thiết bị theo hướng hoàn thiện hơn, cao hơn và/ hoặc theo yêu cầu của TCT.
- Duy trì thường xuyên việc theo dõi, đánh giá, điều chỉnh việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật và quản lý chi phí theo hướng tích cực hơn.
- Chủ động thực hiện các hình thức, chính sách để phát triển các sản phẩm bia hơi, bia tươi đảm bảo kế hoạch sản lượng và hiệu quả. Kiên trì với mục tiêu phát triển thị trường bia hơi trên cơ sở chính là đảm bảo chất lượng sản phẩm ở cả trong và ngoài công ty.
- Ưu tiên đảm bảo sức khỏe và an toàn cho người lao động nhất là trong thời điểm có dịch bệnh lây lan (nếu có) theo khuyến cáo của Bộ y tế.
- Xây dựng các chính sách liên quan tới chế độ của Người lao động phù hợp với tình hình thực tế trình HDQT thông qua.
- Chủ động các biện pháp nhằm hỗ trợ người lao động duy trì thu nhập tối thiểu trong trường hợp dịch bệnh diễn biến phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp tới người lao động của Công ty.
- Chú trọng công tác đào tạo thêm nhân lực tại chỗ để đáp ứng nhu cầu công việc và linh hoạt trong công tác bố trí nhân sự khi cần.
- Tuân thủ các quy định của TCT về chế độ báo cáo, luôn cập nhật và thực hiện các yêu cầu pháp luật mà Công ty bị chi phối.

- Bảo vệ môi trường làm việc cho người lao động trong Công ty cũng như môi trường xung quanh nơi Công ty hoạt động, không gây ảnh hưởng đến cộng đồng. Tích cực cải tạo cảnh quan theo hướng xanh, sạch, đẹp.
  - Tiếp tục chung tay cùng cộng đồng trong các hoạt động an sinh xã hội.
  - Tăng cường kiểm soát rủi ro trong tất cả các lĩnh vực và chủ động thực hiện các giải pháp xử lý nhanh nhất có thể (nếu có), đảm bảo cho Công ty hoạt động an toàn.
5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có ý kiến kiểm toán ngoại trừ:*
6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.*
- a. *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải):*
- Tiêu thụ nước: Mức tiêu thụ nước trong năm vượt 35% so với định mức kinh tế kỹ thuật.
  - Năng lượng: Công ty mua hơi từ nhà cung cấp, lượng tiêu thụ bình quân 0.211 tấn/1000 lit bia, tiết kiệm 4.1% so với định mức kinh tế kỹ thuật.
  - Điện: Lượng 86.17 kW/ 1000lit bia, vượt định mức 7.7% so với định mức kinh tế kỹ thuật.
  - Các loại chất thải được công ty ký hợp đồng với các nhà thu gom và xử lý đúng quy định.
  - Công ty tiếp tục theo dõi và áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm từng bước điều chỉnh lượng tiêu thụ các chỉ tiêu môi trường, giảm thiểu phát thải, tiết kiệm nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất của Công ty.
- b. *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:*
- Các chính sách và chế độ cho người lao động được thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật và của Công ty.
  - Luôn sắp xếp lao động phù hợp với tình hình của Công ty tại các thời điểm, bố trí lao động ngừng việc và hưởng chế độ ngừng việc hợp lý giúp lao động yên tâm gắn bó với Công ty.
- c. *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:*
- Công ty tích cực tham gia các hoạt động xã hội do địa phương và các cơ quan hữu quan phát động. Bên cạnh đó, công ty không ngừng kiểm soát chất lượng sản phẩm nhằm tạo ra những sản phẩm an toàn cho người tiêu dùng.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.*
- Trong năm 2021, Cán bộ công nhân viên của Công ty đã nỗ lực hết mình trong việc thực hiện các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó. Các hành động phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty và hạn chế rủi ro đáng tiếc có thể xảy ra.
  - Công ty thực hiện tốt chính sách với người lao động, đảm bảo thu nhập và đời sống

tin thần của CBCNV. Không chỉ vậy, Công ty đã thực hiện tốt các công tác tuyên truyền lan rộng tới người lao động trong toàn công ty về công tác đền ơn đáp nghĩa, công tác xã hội, chung tay vì cộng đồng. Công tác phòng chống sự lây lan của dịch covid được Ban điều hành tuân thủ tuyệt đối. Hội đồng quản trị đánh giá cao các hoạt động này và mong muốn Công ty duy trì và phát huy hơn nữa.

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật mà Công ty bị chi phối.

**2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành công ty:***

- Hội đồng quản trị đánh giá cao kết quả hoạt động của Ban điều hành trong năm 2021, ghi nhận sự nỗ lực và quyết tâm trong việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.
- Ban điều hành đã chủ động triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp, tháo gỡ mọi khó khăn để thực hiện và hoàn thành tốt các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị; tuân thủ chặt chẽ các quy định quản trị và quy định của pháp luật, điều lệ doanh nghiệp.
- Toàn công ty đã đoàn kết, cùng vượt qua khó khăn chung của toàn ngành và đã đạt được các mục tiêu đã đề ra cho năm 2021.
- Ban điều hành đã báo cáo thường xuyên cho Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, tình hình quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư các dự án. Với việc trao đổi, cập nhật thông tin nhanh chóng và kịp thời như vậy, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt rõ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và chỉ đạo công ty hoạt động hiệu quả theo định hướng chiến lược đã đề ra.
- Ban điều hành thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định và thông báo của Hội đồng quản trị.

**3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:***

- Tăng cường quản trị Công ty, tiếp tục thực hiện các chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty và các định hướng do Đại hội cổ đông thông qua, kịp thời nắm bắt các cơ hội nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.
- Công ty tập trung cho việc sản xuất các sản phẩm bia có chất lượng và uy tín trên thị trường góp phần xây dựng thương hiệu Bia Sài Gòn ngày càng vững mạnh để giữ vững vị thế và thị phần trên thị trường Việt Nam, phát huy năng lực nhằm đáp ứng nhu cầu, mong muốn của thị trường vào bất kỳ thời điểm nào của khách hàng.
- Đưa ra các chỉ đạo phù hợp, đúng đắn và linh hoạt trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành để đảm bảo Công ty hoạt động hiệu quả.
- Kết hợp đồng thời mục tiêu tăng trưởng sản lượng và lợi nhuận với tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường trên cơ sở tận dụng các lợi thế sẵn có với nền tảng tài chính lành mạnh nhằm mang lại lợi ích cho Công ty và cổ đông.
- Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền và kế hoạch sử dụng vốn.
- Gia tăng cải thiện ứng dụng công nghệ thông tin trong khâu sản xuất và quản trị doanh nghiệp.



**V. Quản trị công ty.**

**1. Hội đồng quản trị**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ có 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

**Danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Công ty**

| STT | Họ và tên          | Chức vụ                      | Ghi chú         |
|-----|--------------------|------------------------------|-----------------|
| 1   | Nguyễn Hoàng Giang | Chủ tịch Hội đồng quản trị   | Không điều hành |
| 2   | Võ Sỹ Dũng         | Thành viên Hội đồng quản trị | Không điều hành |
| 3   | Nguyễn Thu Hương   | Thành viên Hội đồng quản trị | Không điều hành |
| 4   | Bùi Văn Thiêng     | Thành viên Hội đồng quản trị | Điều hành       |
| 5   | Lê Hoài Thanh      | Thành viên Hội đồng quản trị | Không điều hành |

**NGUYỄN HOÀNG GIANG**

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 04/10/1966
- Nơi sinh : Hà Nội                      Quốc tịch : Việt Nam                      Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 074 066 000 177 cấp ngày 07.01.2022, nơi cấp : tại Cục CS QLHC về TTXH
- Địa chỉ thường trú : Số 84 E, Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, TP HCM
- Số điện thoại liên lạc : 0903 754 253
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điều khiển tàu biển.
- Quá trình công tác :

|                          |   |   |
|--------------------------|---|---|
| Từ 1994 -1997            | : | Nhân viên phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam               |
| Từ 1998 - 2006           | : | Giám đốc Công ty Đại lý Tàu biển P & ONL Việt Nam                                       |
| Từ 2006 – 2009           | : | Giám đốc Vận hành và Dịch vụ Khách hàng Toàn quốc Công ty Toll Global Logistic Việt Nam |
| Từ 2009 – 2013           | : | Phụ trách Logistic khu vực Đông Nam Á Công ty IKEA Trading                              |
| Từ 2013 – 2018           | : | Tổng Giám đốc Công ty CP Vinafco.   |
| Từ 2018 – nay            | : | Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một Thành viên Thương Mại Bia Sài Gòn.                       |
| Từ tháng 11/2020 đến nay | : | Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn - Phú Thọ.                            |

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn - Phú Thọ
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương Mại Bia Sài Gòn ; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thương Mại Bia Sài Gòn –

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Năm 2021

Miền Trung ; Chủ tịch HĐQT Công ty Thương Mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ ;  
Thành viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn – Khánh Hòa.

- Số cổ phần nắm giữ : 2,128,750 cổ phần, chiếm tỷ lệ 17,03% vốn điều lệ.

Trong đó :

+ Cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu : 2,128,750 cổ phần, chiếm tỷ lệ 17,03 % vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

**VÕ SỸ DŨNG**

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 18/8/1949
- Nơi sinh : Nghệ An
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 013003267 cấp ngày 01/09/2007, nơi cấp : Hà Nội
- Quê quán : Nghệ An
- Địa chỉ thường trú : Phòng 2006, tòa nhà Vincom center số 114 Mai Hắc Đế, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc : 0913 282 400
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư công nghệ giấy
- Quá trình công tác :

|                        |   |   |
|------------------------|---|---|
| Từ 12/1974 đến 06/1980 | : | Cán bộ kỹ thuật- Ban kiến thiết chuẩn bị sản xuất- Nhà máy giấy Vĩnh Phú                          |
| Từ 07/1980 đến 07/1981 | : | Trưởng ngành bột nhà máy Giấy Vĩnh Phú  |
| Từ 08/1981 đến 07/1987 | : | Phó quản đốc phân xưởng bột Nhà máy Giấy Bãi Bằng   |
| Từ 02/1987 đến 12/1989 | : | Phó Giám đốc Xí nghiệp sản xuất Công ty Giấy Bãi Bằng   |
| Từ 01/1990 đến 03/1993 | : | Phó Giám đốc Nhà máy Giấy Công ty Giấy Bãi Bằng   |
| Từ 04/1993 đến 07/1995 | : | Giám đốc nhà máy Giấy Công ty Giấy Bãi Bằng   |
| Từ 08/1995 đến 06/2004 | : | Phó Tổng Giám đốc Công ty Giấy Bãi Bằng   |
| Từ 06/2004 đến 2007    | : | Tổng Giám đốc Công ty Giấy Bãi Bằng   |
| Từ 2007 đến 2011       | : | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ, Tổng Giám đốc Công ty Giấy Bãi Bằng |
| Từ năm 2011 đến nay    | : | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ.                                     |

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn - Phú Thọ.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty CP sản Sơn Sơn  
Thành viên HĐQT Công ty CP Hóa chất Đông Á.
- Số cổ phần nắm giữ : 1,053,676 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8,43% vốn điều lệ.

Trong đó :

- + Cổ phần sở hữu cá nhân : 1,053,676 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8,43% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

**NGUYỄN THU HƯƠNG**

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 28/05/1980
- Nơi sinh : Hà Nam
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CCCD : 001180021764 cấp ngày 21/09/2018 , nơi cấp : Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
- Quê quán : Hà Nam
- Địa chỉ thường trú : Số 10, Ngõ 58, Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc : 0904 316 767
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Chuyên ngành Công nghệ thông tin
- Quá trình công tác :

|                     |   |   |
|---------------------|---|---|
| Từ 2002 đến 2006    | : | Cán bộ chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Thăng Long.  |
| Từ 2007 đến 2012    | : | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ, Giám đốc Công ty cổ phần Thương mại Mặt Trời Vàng. |
| Từ năm 2012 đến nay | : | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ, Giám đốc Công ty cổ phần Thương mại Mặt Trời Vàng. |

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Giám Đốc Công ty CP thương mại Mặt Trời Vàng.
- Số cổ phần nắm giữ : 655,266 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5,24% vốn điều lệ.

Trong đó :

- + Cổ phần sở hữu cá nhân : 655,266 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5,24 % vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ : 234,300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,87% vốn điều lệ.

Trong đó :

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Năm 2021

- + Chồng Hoàng Công Thái nắm giữ : 234,300 cổ phần, chiếm 1,87% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

**LÊ HOÀI THANH**

- Giới tính : Nam
- Ngày/tháng /năm sinh : 10/03/1973
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 011660478 cấp ngày 15.03.2011 nơi cấp : Hà Nội
- Quê quán : Nghệ An
- Địa chỉ thường trú : Số nhà 01 Ngõ 52 Giang Văn Minh, Ba Đình, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc : 0914888073
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
- Quá trình công tác :

|                          |   |   |
|--------------------------|---|---|
| Từ 2007 đến nay          | : | Phó giám đốc công ty TNHH Tư vấn Havi Việt Nam                    |
| Từ tháng 12/2011 đến nay | : | Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Một thành viên Havi 168 |
| Từ tháng 5/ 2017 đến nay | : | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ     |

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Giám đốc công ty TNHH Tư vấn Havi Việt Nam ; Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Một thành viên Havi 168.
- Số cổ phần nắm giữ : 254,230 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,03% vốn điều lệ.

Trong đó :

- + Cổ phần sở hữu cá nhân : 254,230 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,03% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ : 227,200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,817% vốn điều lệ (bà Vũ Thị Ngọc Trâm – mẹ vợ ông Thanh).
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

**BÙI VĂN THIÊNG**

Đã nêu ở phần lý lịch Ban Điều hành

- b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không
- c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

**Bảng số 8: Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT năm 2021.**

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|---------------------------|------|----------|
|-----|---------------------------|------|----------|

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

**Năm 2021**

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày       | Nội dung   |
|-----|---------------------------|------------|--|
| 1   | 01/2021/NQ – HĐQT         | 26/02/2021 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc ký hợp đồng mua bán Nguyên vật liệu và kiểm soát sản xuất với Tổng công ty CP Bia, Rượu, NGK Sài Gòn.</li> </ul>   |
| 2   | 02/2021/NQ – HĐQT         | 12/03/2021 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 02 tháng năm 2021, phương hướng hoạt động các tháng tiếp theo. Bảng cân đối kế toán; kết quả kinh doanh; nghĩa vụ nộp thuế từ ngày 01/01/2021 đến 28/02/2021.</li> <li>- Thông qua tờ trình kế hoạch sản xuất và kinh doanh năm 2021 trình Đại hội cổ đông. Tùy tình hình thực tế, Hội đồng quản trị sẽ có những điều chỉnh cho phù hợp.</li> <li>- Thông qua đề xuất của Ban điều hành về việc sản xuất thử nghiệm sản phẩm mới.</li> <li>- Không nhất trí với mức chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2021 theo đề xuất của SABECO. Mức thù lao của các thành viên nói trên được chi trả theo mức hiện hành.</li> <li>- Nhất trí ủy quyền cho Giám đốc ký các hợp đồng, giao dịch để phục vụ sản xuất và kinh doanh của Công ty với SABECO, các Công ty con và các Công ty liên kết trong cùng hệ thống phát sinh trong năm 2021 có giá trị theo quy định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị thông qua (bao gồm các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua).</li> <li>- Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty.</li> <li>- Thông qua các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021</li> </ul> |
| 3   | 03/2021/NQ – HĐQT         | 28/05/2021 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua báo cáo kết quả sản</li> </ul>  |

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

**Năm 2021**

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày       | Nội dung   |
|-----|---------------------------|------------|--|
|     |                           |            | <p>xuất kinh doanh 04 tháng năm 2021, ước thực hiện tháng 5 năm 2021 và phương hướng hoạt động các tháng tiếp theo. Bảng cân đối kế toán; kết quả kinh doanh; nghĩa vụ nộp thuế từ ngày 01/01/2021 đến 30/04/2021.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua kế hoạch đầu tư năm 2021.</li> <li>- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý tài chính .</li> <li>- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý chi phí .</li> <li>- Thông qua việc ban hành Quy chế mua hàng.</li> <li>- Thông qua việc ban hành Quy chế công bố thông tin.</li> <li>- Thông qua việc Bổ nhiệm chức vụ Phó giám đốc phụ trách sản xuất.</li> <li>- Thông qua ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức còn lại năm 2020.</li> </ul> |
| 4   | 04/2021/NQ - HĐQT         | 22/10/2021 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua báo cáo sản xuất và kinh doanh 09 tháng đầu năm 2021 phương hướng hoạt động các tháng tiếp theo. Bảng cân đối kế toán; kết quả kinh doanh; nghĩa vụ nộp thuế từ ngày 01/01/2021 đến 30/09/2021.</li> <li>- Nhất trí thanh toán các khoản tiền có liên quan tới việc san lấp mặt bằng, tiền thuê đất, phí duy tu cơ sở hạ tầng và phí dịch vụ công cộng. Giao cho Ban điều hành căn cứ vào các nội dung trong hợp đồng, các quy định của cơ quan hữu quan để Công ty thực hiện đúng các nghĩa vụ liên quan.</li> </ul>   |
| 5   | 05/2021/ NQ - HĐQT        | 18/12/2021 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống nhất với nội dung báo cáo của Giám đốc về kết quả sản xuất</li> </ul>   |

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung   |
|-----|---------------------------|------|--|
|     |                           |      | <p>kinh doanh 11 tháng năm 2021, ước thực hiện tháng 12 và năm 2021. Bảng cân đối kế toán; kết quả kinh doanh; nghĩa vụ nộp thuế từ ngày 01/01/2021 đến 30/11/2021.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không thông qua kế hoạch sản xuất và kinh doanh năm 2022. Đề nghị Ban điều hành xem xét, rà soát xây dựng lại kế hoạch sản xuất kinh doanh, trình Hội đồng quản trị xem xét lại trước khi trình Đại hội.</li> <li>- Tờ trình kế hoạch đầu tư năm 2022: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hoãn đầu tư các hạng mục: Nội thất văn phòng làm việc; Hệ thống xử lý nước (tái sử dụng nước thải);</li> <li>+ Nhất trí đầu tư các hạng mục còn lại.</li> </ul> </li> <li>- Thông qua Tờ trình kế hoạch sửa chữa/ cải tạo, bảo dưỡng cấp 3 năm 2022.</li> <li>- Nhất trí với chủ trương cho đối tác đầu tư hệ thống điện mặt trời và bán lại điện cho Công ty</li> <li>- Thông qua tờ trình vay vốn Ngân hàng để phục vụ sản xuất và kinh doanh năm 2022.</li> <li>- Thông qua Tờ trình thưởng tết năm 2022.</li> <li>- Thông qua việc tăng lương cho nhân viên.</li> <li>+ Ban điều hành xây dựng Quy chế tiền lương chi tiết trình Hội đồng quản trị thông qua.</li> <li>- Thông qua tờ trình Chính sách bán hàng bia hơi, bia tươi năm 2022.</li> <li>- Thông qua việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 bằng tiền.</li> <li>- Thông qua về việc ký hợp đồng nguyên tắc mua NaOH 32% (xút</li> </ul> |

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Năm 2021

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày       | Nội dung  |
|-----|---------------------------|------------|---|
|     |                           |            | <p>lòng) với Công ty TNHH Tân Hạnh Nguyên do ông Võ Thái Sơn (con trai Ông Võ Sỹ Đông – Thành viên Hội đồng quản trị) làm Giám đốc.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua nội dung tờ trình về việc ủy quyền cho Giám đốc Công ty ký kết các hợp đồng/ giao dịch phát sinh năm 2022 trong quá trình sản xuất và kinh doanh với Tổng công ty CP Bia – Rượu - NGK; các Công ty con; Công ty liên kết trong cùng hệ thống.</li> <li>- Thống nhất các công việc cần chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.</li> </ul> |
| 6   | QĐ 13 /2021/QĐ - HĐQT     | 28/05/2021 | - Quyết định ban hành quy chế quản lý Tài chính.  |
| 7   | QĐ 14 /2021/QĐ - HĐQT     | 28/05/2021 | - Quyết định ban hành quy chế quản lý chi phí   |
| 8   | QĐ 15 /2021/QĐ - HĐQT     | 28/05/2021 | - Quyết định ban hành quy chế công bố thông tin   |
| 9   | QĐ 16 /2021/QĐ - HĐQT     | 28/05/2021 | - Quyết định ban hành quy chế mua hàng  |
| 10  | QĐ 08 /2021/QĐ - HĐQT     | 29/05/2021 | - Quyết định bổ nhiệm Phó giám đốc phụ trách sản xuất đối với Ông Nguyễn Xuân Trường  |
| 11  | QĐ 18/2021/ QĐ - HĐQT     | 18/12/2021 | - Quyết định vay vốn ngân hàng để phục vụ sản xuất, kinh doanh năm 2022.  |
| 12  | QĐ 19/2021/ QĐ – HĐQT     | 18/12/2021 | - Quyết định ký hợp đồng với tổ chức có liên quan của Người nội bộ.   |
| 13  | QĐ 20/2021/ QĐ – HĐQT     | 18/12/2021 | - Quyết định về việc ủy quyền ký hợp đồng với Cổ đông lớn – Tổ chức có liên quan của Người nội bộ.  |

(Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Phú Thọ)

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty



trong năm: Không có

**2. Ban Kiểm soát**

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát của Công ty có 03 (ba) thành viên. Các thành viên của ban kiểm soát có nhiệm kỳ 05 (năm) năm, thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

**Danh sách thành viên Ban kiểm soát**

| STT | Họ và tên              | Chức vụ              |
|-----|------------------------|----------------------|
| 1   | Ông Nguyễn Tiến Thọ    | Trưởng ban kiểm soát |
| 2   | Nguyễn Thị Hương Giang | Thành viên           |
| 3   | Nguyễn Hồ Bảo Ngọc     | Thành viên           |

**NGUYỄN TIẾN THỌ**

- Giới tính : Nam
- Ngày/ tháng/ năm sinh : 15/08/1956
- Nơi sinh : Phú Thọ
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CCCD : 025056001450 cấp ngày 08/04/2021 , nơi cấp : Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Quê quán : Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú : số 45, Trần Quang Khải, Phường Nông Trang ,TP Việt Trì, Phú Thọ
- Số điện thoại liên lạc : 0913 517 431
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :

|                          |   |   |
|--------------------------|---|---|
| Từ 01/2004 - 06/2012     | : | Trưởng phòng Nghiệp vụ thuế - Cục thuế tỉnh Phú Thọ         |
| Từ tháng 7/2012 - 7/2014 | : | Trưởng phòng Thanh tra thuế - Cục thuế tỉnh Phú Thọ.        |
| Từ tháng 8/2014- 8/2016  | : | Trưởng phòng Kiểm tra thuế số 1- Cục thuế tỉnh Phú Thọ.     |
| Từ tháng 9/2016 đến nay  | : | Nghỉ hưu theo chế độ  |
| Từ tháng 5/2017 đến nay  | : | Trưởng Ban Kiểm soát công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ. |

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Trưởng Ban Ban kiểm soát Công ty CP Bia Sài Gòn - Phú Thọ.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

- Số cổ phần nắm giữ : 2,300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0184 % vốn điều lệ.

Trong đó :

+ Cổ phần sở hữu cá nhân : 2,300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0184% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

**NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 28/10/1984
- Nơi sinh: Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 131589129 cấp ngày 21/7/2012, nơi cấp: Phú Thọ
- Quê quán: Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú: SN 16, ngõ 11, phố Long Xá, thị trấn Phong Châu, Phù Ninh, Phú Thọ.
- Số điện thoại liên lạc: 0985 560 810
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

|                    |   |   |
|--------------------|---|---|
| Từ 2007-2008       | : | Nhân viên Kế toán Công ty TNHH SX và TMTH Hưng Thành  |
| Từ 2009 – 06/2012  | : | Kế toán trưởng Công ty TNHH SX và TMTH Hưng Thành   |
| Từ 06/2012 đến nay | : | Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ, Kế toán trưởng Công ty TNHH SX và TMTH Hưng Thành |

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên BKS Công ty CP Bia Sài Gòn - Phú Thọ.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty TNHH SX và TMTH Hưng Thành.
- Số cổ phần nắm giữ: 185,932 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,49% vốn điều lệ.  
Trong đó:
  - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 185,932 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,49% vốn điều lệ.
  - + Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 vốn điều lệ.
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**NGUYỄN HỒ BẢO NGỌC**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 18/11/1981
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- Số CCCD: 079181010433 cấp ngày 12.02.2020 tại Cục CS QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 99/25 Dương Văn Dương, Phường Tân Phú, Q.Tân Phú, Thành

phố Hồ Chí Minh.

- Số điện thoại liên lạc: 0932 72 79 78
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

|                         |   |   |
|-------------------------|---|---|
| Từ 2005 -2008           | : | Chuyên viên nghiệp vụ phi hàng hải Công ty Bảo hiểm AAA.                      |
| Từ 2008- 2016           | : | Nhân viên quan hệ khách hàng phòng DN lớn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex. |
| Từ 2016 - nay           | : | Chuyên viên phân tích tài chính - TCT CP Bia- Rượu - NGK Sài Gòn.             |
| Từ tháng 3/2019 đến nay | : | Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ.                    |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- + Thành viên Ban kiểm soát Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco.
- + Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bao Bì Bia Sài Gòn.
- + Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Khánh Hòa.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

b) Các hoạt động của Ban kiểm soát.

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã thực hiện và tiến hành các hoạt động theo Điều lệ của Công ty cũng như tuân thủ các quy định khác của Pháp luật, cụ thể:

- Thực hiện giám sát các hoạt động, tuân thủ Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành Công ty.
- Tổ chức 02 đợt làm việc để xem xét kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và một số buổi họp của Ban điều hành Công ty về việc triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021;
- Trên cơ sở báo cáo Kiểm toán độc lập, thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm và báo cáo bán niên của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
- Kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành chế độ chi tiêu nội bộ tại Công ty, chấp hành các quy định của pháp luật và qui chế, qui định của Công ty về việc mua bán hàng hóa, sản phẩm;
- Các công việc khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Năm 2021

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát:

**Bảng số 9: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát**

| STT | Họ và Tên              | Chức vụ                   | Thưởng năm 2021 (VNĐ) | Thù lao, Lương (VNĐ) | Tổng thu nhập (VNĐ) |
|-----|------------------------|---------------------------|-----------------------|----------------------|---------------------|
| 1   | Nguyễn Hoàng Giang     | Chủ tịch HĐQT             |                       | 144.000.000          | 144.000.000         |
| 2   | Võ Sỹ Dũng             | TV HĐQT                   |                       | 108.000.000          | 108.000.000         |
| 3   | Nguyễn Thu Hương       | TV HĐQT                   |                       | 108.000.000          | 108.000.000         |
| 4   | Bùi Văn Thiêng         | TV HĐQT                   |                       | 108.000.000          | 108.000.000         |
|     |                        | Giám đốc                  |                       |                      | 954.955.000         |
| 5   | Lê Hoài Thanh          | TV HĐQT                   |                       | 108.000.000          | 108.000.000         |
| 7   | Nguyễn Tiến Thọ        | Trưởng ban KS             |                       | 117.000.000          | 117.000.000         |
| 8   | Nguyễn Thị Hương Giang | TV BKS                    |                       | 72.000.000           | 72.000.000          |
| 9   | Nguyễn Hồ Bảo Ngọc     | TV BKS                    |                       | 72.000.000           | 72.000.000          |
| 10  | Nguyễn Xuân Trường     | Phó Giám đốc sản xuất (*) |                       |                      | 353.262.000         |

Lưu ý (\*): Ông Trường được bổ nhiệm kể từ ngày 01.06.2021

(Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Phú Thọ)

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

| STT | Tên hợp đồng /giao dịch và ký hiệu  | Đơn vị thực hiện  | Quan hệ với công ty/ người nội bộ                                   |
|-----|---|---|---|
| 1   | Hợp đồng mua bán nguyên vật liệu và kiểm soát sản xuất năm 2021; hợp đồng hợp tác sản xuất và mua bán hàng hóa. | Tổng công ty CP Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn. | Cổ đông lớn, người liên quan của Chủ tịch HĐQT và Giám đốc Công ty. |
| 2   | Hợp đồng mua bán NaOH 32%   | Công ty TNHH Tân Hạnh Nguyên  | Con trai Ông Võ Sỹ Dũng – TV HĐQT làm Giám đốc.                     |

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Năm 2021

| STT | Tên hợp đồng /giao dịch và ký hiệu            | Đơn vị thực hiện                       | Quan hệ với công ty/ người nội bộ  |
|-----|---|--|--|
| 3   | Hợp đồng mua bán (men giống phục vụ sản xuất) | Công ty CP Bia Sài Gòn Sông Lam.       | Công ty con của Tổng công ty CP Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn.                 |
| 4   | Hợp đồng mua bán (men giống phục vụ sản xuất) | Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh | Công ty con của Tổng công ty CP Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn.                 |
| 5   | Hợp đồng vận chuyển vỏ lon, nắp lon bia.      | Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn  | Công ty liên doanh liên kết của Tổng công ty CP Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn. |

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã thực hiện công bố đầy đủ và đúng hạn các báo cáo tài chính bán niên, quý và báo cáo kiểm toán năm 2021, các thông tin về hoạt động kinh doanh, tài chính và quản trị công ty cho cổ đông và công chúng theo quy định của pháp luật.

**VI. Báo cáo tài chính**

**1. Ý kiến kiểm toán:**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã đề cập phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.**

Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

(Chi tiết báo cáo tài chính đính kèm)

Địa chỉ công bố Báo cáo tài chính:

<http://saigonphutho.com.vn>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – PHÚ THỌ**

Người đại diện theo pháp luật



Bùi Văn Thiêng





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2021



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Doanh nghiệp số**

2600393941

ngày 30 tháng 5 năm 2007

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2600393941 ngày 30 tháng 6 năm 2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Hoàng Giang  
Ông Võ Sỹ Dờng  
Bà Nguyễn Thu Hương  
Ông Bùi Văn Thiêng  
Ông Lê Hoài Thanh

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Tiến Thọ  
Bà Nguyễn Thị Hương Giang  
Bà Nguyễn Hồ Bảo Ngọc

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Bùi Văn Thiêng  
Ông Nguyễn Xuân Trường

Giám đốc  
Phó Giám đốc  
(từ ngày 1 tháng 6 năm 2021)

**Trụ sở đăng ký**

Khu công nghiệp Trung Hà  
Xã Dân Quyền, Huyện Tam Nông  
Tỉnh Phú Thọ  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 29 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Tỉnh Phú Thọ, ngày 11 tháng 3 năm 2022



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 29.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00298-22-2



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2022

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

|  | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>31/12/2021<br/>VND</b> | <b>1/1/2021<br/>VND</b> |
|--|--------------|--------------------|---------------------------|-------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>   |              |                    |                           |                         |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b><br>(100 = 110 + 130 + 140 + 150) | <b>100</b>   |                    | <b>167.475.277.642</b>    | <b>213.468.608.223</b>  |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>                | <b>110</b>   | <b>6</b>           | <b>76.683.583.405</b>     | <b>133.066.762.733</b>  |
| Tiền   | 111          |                    | 4.837.191.957             | 40.147.287.771          |
| Các khoản tương đương tiền                               | 112          |                    | 71.846.391.448            | 92.919.474.962          |
| <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>                       | <b>130</b>   |                    | <b>19.321.626.812</b>     | <b>15.977.545.619</b>   |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng                         | 131          | 7                  | 6.037.635.812             | 11.500.832.680          |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn                         | 132          |                    | 12.736.043.788            | 4.189.079.300           |
| Phải thu ngắn hạn khác                                   | 136          |                    | 547.947.212               | 287.633.639             |
| <b>Hàng tồn kho</b>                                      | <b>140</b>   | <b>8</b>           | <b>70.005.087.482</b>     | <b>64.294.669.220</b>   |
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                             | <b>150</b>   |                    | <b>1.464.979.943</b>      | <b>129.630.651</b>      |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                               | 151          |                    | 1.464.979.943             | 129.630.651             |
| <b>Tài sản dài hạn</b><br>(200 = 220 + 240 + 260)        | <b>200</b>   |                    | <b>164.446.651.495</b>    | <b>198.665.186.817</b>  |
| <b>Tài sản cố định</b>                                   | <b>220</b>   |                    | <b>153.002.318.040</b>    | <b>190.964.052.851</b>  |
| Tài sản cố định hữu hình                                 | 221          | 9                  | 153.002.318.040           | 190.964.052.851         |
| Nguyên giá   | 222          |                    | 527.616.057.013           | 523.222.244.712         |
| Giá trị hao mòn lũy kế                                   | 223          |                    | (374.613.738.973)         | (332.258.191.861)       |
| <b>Tài sản dở dang dài hạn</b>                           | <b>240</b>   |                    | <b>1.152.967.002</b>      | <b>-</b>                |
| Xây dựng cơ bản dở dang                                  | 242          |                    | 1.152.967.002             | -                       |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>                              | <b>260</b>   |                    | <b>10.291.366.453</b>     | <b>7.701.133.966</b>    |
| Chi phí trả trước dài hạn                                | 261          | 10                 | 10.291.366.453            | 7.701.133.966           |
| <b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>                    | <b>270</b>   |                    | <b>331.921.929.137</b>    | <b>412.133.795.040</b>  |

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|   | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2021<br>VND      | 1/1/2021<br>VND        |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>NGUỒN VỐN</b>  |            |             |                        |                        |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>                          | <b>300</b> |             | <b>108.299.958.441</b> | <b>184.211.910.085</b> |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>  | <b>310</b> |             | <b>105.158.114.717</b> | <b>175.596.321.995</b> |
| Phải trả người bán ngắn hạn                                   | 311        | 11          | 7.680.816.809          | 8.306.051.447          |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn                             | 312        |             | 66.352.917             | 54.096.300             |
| Thuế phải nộp Nhà nước  | 313        | 12          | 62.615.439.219         | 49.145.293.814         |
| Phải trả người lao động                                       | 314        |             | 3.427.415.012          | 2.604.564.000          |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                                     | 315        |             | 5.145.774.115          | 3.751.817.383          |
| Phải trả ngắn hạn khác  | 319        | 13          | 15.920.286.064         | 15.160.167.250         |
| Vay ngắn hạn  | 320        | 14(a)       | 7.490.434.790          | 94.114.834.692         |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                     | 322        | 15          | 2.811.595.791          | 2.459.497.109          |
| <b>Nợ dài hạn</b>   | <b>330</b> |             | <b>3.141.843.724</b>   | <b>8.615.588.090</b>   |
| Vay dài hạn   | 338        | 14(b)       | 3.141.843.724          | 8.615.588.090          |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>                             | <b>400</b> |             | <b>223.621.970.696</b> | <b>227.921.884.955</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>   | <b>410</b> | <b>16</b>   | <b>223.621.970.696</b> | <b>227.921.884.955</b> |
| Vốn cổ phần   | 411        | 17          | 125.000.000.000        | 125.000.000.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                      | 411a       |             | 125.000.000.000        | 125.000.000.000        |
| Quỹ đầu tư phát triển   | 418        | 19          | 23.517.055.477         | 23.517.055.477         |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                             | 421        |             | 75.104.915.219         | 79.404.829.478         |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | 56.641.921.878         | 68.114.069.466         |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay                   | 421b       |             | 18.462.993.341         | 11.290.760.012         |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>                       | <b>440</b> |             | <b>331.921.929.137</b> | <b>412.133.795.040</b> |

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Người lập:

  
 Trần Bích Thủy  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
 Bùi Văn Thiêng  
 Giám đốc

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

|  | Mã số     | Thuyết minh | 2021<br>VND            | 2020<br>VND             |
|--|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|
| <b>Doanh thu bán hàng</b>  | <b>01</b> | <b>21</b>   | <b>391.359.590.054</b> | <b>345.542.706.412</b>  |
| <b>Giá vốn hàng bán</b>  | <b>11</b> | <b>22</b>   | <b>353.361.591.178</b> | <b>316.580.574.297</b>  |
| <b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>  | <b>20</b> |             | <b>37.997.998.876</b>  | <b>28.962.132.115</b>   |
| Doanh thu hoạt động tài chính  | 21        |             | 1.550.338.992          | 2.775.865.866           |
| Chi phí tài chính  | 22        |             | 1.445.269.703          | 3.019.183.894           |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>   | 23        |             | <i>1.445.269.703</i>   | <i>3.019.183.894</i>    |
| Chi phí bán hàng   | 25        |             | 1.465.326.064          | 4.148.259.011           |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp   | 26        | 23          | 15.161.558.774         | 12.388.661.302          |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh<br/>{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b> | <b>30</b> |             | <b>21.476.183.327</b>  | <b>12.181.893.774</b>   |
| Thu nhập khác  | 31        |             | 503.972.988            | 115.157.461             |
| Chi phí khác   | 32        |             | 103.439.525            | 21.524.426              |
| <b>Kết quả từ các hoạt động khác<br/>(40 = 31 - 32)</b>                              | <b>40</b> |             | <b>400.533.463</b>     | <b>93.633.035</b>       |
| <b>Lợi nhuận kế toán trước thuế<br/>(50 = 30 + 40)</b>                               | <b>50</b> |             | <b>21.876.716.790</b>  | <b>12.275.526.809</b>   |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>   | <b>51</b> | <b>25</b>   | <b>3.413.723.449</b>   | <b>984.766.797</b>      |
| <b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>  | <b>52</b> | <b>25</b>   | <b>-</b>               | <b>-</b>                |
| <b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN<br/>(60 = 50 - 51 - 52)</b>                         | <b>60</b> |             | <b>18.462.993.341</b>  | <b>11.290.760.012</b>   |
| <b>Lãi trên cổ phiếu</b>   |           |             |                        | <b>(Điều chỉnh lại)</b> |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu   | 70        | 26          | 1.477                  | 591                     |

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Trần Bích Thủy  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Văn Thiêng  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

|  | <b>Mã Thuyết<br/>số minh</b> | <b>2021<br/>VND</b>     | <b>2020<br/>VND</b>     |
|--|------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                 |                              |                         |                         |
| <b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>  | <b>01</b>                    | <b>21.876.716.790</b>   | <b>12.275.526.809</b>   |
| <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>  |                              |                         |                         |
| Khấu hao và phân bổ  | 02                           | 42.355.547.112          | 41.657.677.249          |
| Lãi từ hoạt động đầu tư  | 05                           | (1.550.338.992)         | (2.775.865.866)         |
| Chi phí lãi vay  | 06                           | 1.445.269.703           | 3.019.183.894           |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh<br/>trước những thay đổi vốn lưu động</b> | <b>08</b>                    | <b>64.127.194.613</b>   | <b>54.176.522.086</b>   |
| Biến động các khoản phải thu   | 09                           | 5.036.229.900           | 34.002.966.722          |
| Biến động hàng tồn kho   | 10                           | (5.710.418.262)         | (3.393.596.876)         |
| Biến động các khoản phải trả và<br>nợ phải trả khác                            | 11                           | 15.594.978.420          | 42.566.834.624          |
| Biến động chi phí trả trước  | 12                           | (3.925.581.779)         | 1.623.405.936           |
|  |                              | <b>75.122.402.892</b>   | <b>128.976.132.492</b>  |
| Tiền lãi vay đã trả  | 14                           | (1.554.038.284)         | (3.038.372.605)         |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15                           | (2.804.556.424)         | (2.374.664.826)         |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17                           | (3.163.499.604)         | (5.082.471.662)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động<br/>kinh doanh</b>                       | <b>20</b>                    | <b>67.600.308.580</b>   | <b>118.480.623.399</b>  |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                     |                              |                         |                         |
| Tiền chi mua sắm tài sản cố định   | 21                           | (13.609.363.239)        | (14.860.570.015)        |
| Tiền thu lãi tiền gửi  | 27                           | 1.537.679.099           | 2.832.136.336           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động<br/>đầu tư</b>                           | <b>30</b>                    | <b>(12.071.684.140)</b> | <b>(12.028.433.679)</b> |



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

| Mã Thuyết<br>số minh | 2021<br>VND | 2020<br>VND |
|----------------------|-------------|-------------|
|----------------------|-------------|-------------|

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|   |           |                          |                         |
|---|-----------|--------------------------|-------------------------|
| Tiền thu từ đi vay  | 33        | 209.725.226.270          | 199.658.249.297         |
| Tiền chi trả nợ gốc vay   | 34        | (301.823.370.538)        | (217.131.414.605)       |
| Tiền chi trả cổ tức   | 36        | (19.813.659.500)         | (12.692.949.750)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>               | <b>40</b> | <b>(111.911.803.768)</b> | <b>(30.166.115.058)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>        | <b>50</b> | <b>(56.383.179.328)</b>  | <b>76.286.074.662</b>   |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>                 | <b>60</b> | <b>133.066.762.733</b>   | <b>56.780.688.071</b>   |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b> | <b>70</b> | <b>76.683.583.405</b>    | <b>133.066.762.733</b>  |

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Người lập:

  
 Trần Bích Thủy  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
 Bùi Văn Thiêng  
 Giám đốc



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2016, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch là BSP.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; xuất, nhập khẩu bia, rượu, nước giải khát và các loại hương liệu, nước cốt để sản xuất bia, rượu và nước giải khát.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 115 nhân viên (1/1/2021: 116 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

|                          |             |
|--------------------------|-------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 12 – 48 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 3 – 12 năm  |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 12 năm  |
| ▪ thiết bị quản lý       | 3 – 10 năm  |

**(f) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(g) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(i) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(j) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(k) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(l) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(m) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

**(n) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(o) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**(r) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

**4. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh rượu và nước giải khát. Trong năm, không diễn ra hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***5. Ảnh hưởng của Vi rút Corona**

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã có những ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, bên liên quan và do đó cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của sự kiện này. Đại dịch Covid-19 vẫn tiếp tục có những ảnh hưởng đáng kể đến Việt Nam và Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                | <b>31/12/2021</b> | <b>1/1/2021</b> |
|--------------------------------|-------------------|-----------------|
|                                | <b>VND</b>        | <b>VND</b>      |
| Tiền mặt                       | 883.945.853       | 727.439.940     |
| Tiền gửi ngân hàng             | 3.953.246.104     | 39.419.847.831  |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 71.846.391.448    | 92.919.474.962  |
|                                | <hr/>             | <hr/>           |
|                                | 76.683.583.405    | 133.066.762.733 |

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng. Các khoản tương đương tiền được gửi bằng VND và hưởng lãi suất là 3% một năm (1/1/2021: 3% một năm).

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

|  | <b>31/12/2021</b> | <b>1/1/2021</b> |
|--|-------------------|-----------------|
|  | <b>VND</b>        | <b>VND</b>      |
| <b>Các bên liên quan</b>                                 |                   |                 |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn | 4.992.206.317     | 11.483.668.900  |
| Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn                    | 999.900.745       | -               |
| <b>Bên thứ ba</b>  |                   |                 |
| Các khách hàng khác                                      | 45.528.750        | 17.163.780      |
|  | <hr/>             | <hr/>           |
|  | 6.037.635.812     | 11.500.832.680  |

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Hàng tồn kho**

|  | 31/12/2021     |                 | 1/1/2021       |                 |
|--|----------------|-----------------|----------------|-----------------|
|  | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND |
| Nguyên vật liệu                        | 21.613.918.101 | -               | 21.082.934.460 | -               |
| Công cụ và dụng cụ                     | 19.207.162.156 | -               | 15.133.221.458 | -               |
| Chi phí sản xuất<br>kinh doanh dở dang | 11.315.712.277 | -               | 11.394.512.819 | -               |
| Thành phẩm                             | 17.868.294.948 | -               | 16.684.000.483 | -               |
|  | <hr/>          |                 | <hr/>          |                 |
|  | 70.005.087.482 | -               | 64.294.669.220 | -               |
|  | <hr/>          |                 | <hr/>          |                 |



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

|                               | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc<br>VND | Máy móc và<br>thiết bị<br>VND | Phương tiện<br>vận chuyển<br>VND | Thiết bị<br>quản lý<br>VND | Tổng<br>VND     |
|-------------------------------|----------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|----------------------------|-----------------|
| <b>Nguyên giá</b>             |                                  |                               |                                  |                            |                 |
| Số dư đầu năm                 | 124.981.465.324                  | 386.897.954.040               | 7.946.335.259                    | 3.396.490.089              | 523.222.244.712 |
| Tăng trong năm                | 3.190.320.483                    | 950.800.000                   | -                                | 252.691.818                | 4.393.812.301   |
| Số dư cuối năm                | 128.171.785.807                  | 387.848.754.040               | 7.946.335.259                    | 3.649.181.907              | 527.616.057.013 |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                                  |                               |                                  |                            |                 |
| Số dư đầu năm                 | 38.991.104.298                   | 285.289.939.198               | 6.419.022.030                    | 1.558.126.335              | 332.258.191.861 |
| Khấu hao trong năm            | 4.923.805.827                    | 36.374.449.400                | 545.000.004                      | 512.291.881                | 42.355.547.112  |
| Số dư cuối năm                | 43.914.910.125                   | 321.664.388.598               | 6.964.022.034                    | 2.070.418.216              | 374.613.738.973 |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                                  |                               |                                  |                            |                 |
| Số dư đầu năm                 | 85.990.361.026                   | 101.608.014.842               | 1.527.313.229                    | 1.838.363.754              | 190.964.052.851 |
| Số dư cuối năm                | 84.256.875.682                   | 66.184.365.442                | 982.313.225                      | 1.578.763.691              | 153.002.318.040 |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 15.172 triệu VND (1/1/2021: 10.907 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 140.919 triệu VND (1/1/2021: 181.813 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 14).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

|                   | Bao bì luân chuyển<br>VND | Công cụ và dụng cụ<br>VND | Tổng<br>VND     |
|-------------------|---------------------------|---------------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm     | 4.588.232.282             | 3.112.901.684             | 7.701.133.966   |
| Tăng trong năm    | 9.330.164.397             | 667.035.160               | 9.997.199.557   |
| Phân bổ trong năm | (6.308.617.821)           | (1.098.349.249)           | (7.406.967.070) |
| Số dư cuối năm    | 7.609.778.858             | 2.681.587.595             | 10.291.366.453  |

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

|   | Giá trị ghi sổ/Số có<br>khả năng trả nợ |                 |
|---|---|-----------------|
|   | 31/12/2021<br>VND                       | 1/1/2021<br>VND |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn              | 1.679.788.349                           | 2.641.429.652   |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng và Thương mại Quốc tế D&T          | 1.124.245.379                           | 369.897.983     |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tân Long tại Thành phố Hồ Chí Minh | 1.058.400.000                           | -               |
| Công ty TNHH Năng Lượng Xanh - Phú Thọ                                | 885.632.000                             | 904.552.211     |
| Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam Ninh                                | 784.055.000                             | 1.236.816.000   |
| Các nhà cung cấp khác   | 2.148.696.081                           | 3.153.355.601   |
|   | 7.680.816.809                           | 8.306.051.447   |

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

|  | Giá trị ghi sổ/Số có<br>Khả năng trả nợ |                 |
|--|---|-----------------|
|  | 31/12/2021<br>VND                       | 1/1/2021<br>VND |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn | 1.679.788.349                           | 2.641.429.652   |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh        | 30.690.000                              | 30.690.000      |

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Thuế phải nộp Nhà nước**

|                            | <b>1/1/2021</b><br><b>VND</b> | <b>Số phát sinh</b><br><b>trong năm</b><br><b>VND</b> | <b>Số đã nộp</b><br><b>trong năm</b><br><b>VND</b> | <b>Số cần trừ</b><br><b>trong năm</b><br><b>VND</b> | <b>31/12/2021</b><br><b>VND</b> |
|----------------------------|-------------------------------|---|--|---|---------------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng      | 4.521.333.917                 | 74.140.389.457  | (42.876.024.215)                                   | (29.002.093.154)                                    | 6.783.606.005                   |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt     | 44.496.795.166                | 349.868.819.896                                       | (339.301.823.554)                                  | -   | 55.063.791.508                  |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 115.729.166                   | 3.413.723.449   | (2.804.556.424)                                    | -   | 724.896.191                     |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 11.435.565                    | 883.038.050   | (851.328.100)                                      | -   | 43.145.515                      |
|                            | <b>49.145.293.814</b>         | <b>428.305.970.852</b>                                | <b>(385.833.732.293)</b>                           | <b>(29.002.093.154)</b>                             | <b>62.615.439.219</b>           |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**13. Phải trả ngắn hạn khác**

|                        | 31/12/2021<br>VND | 1/1/2021<br>VND |
|------------------------|-------------------|-----------------|
| Nhận ký quỹ ngắn hạn   | 7.783.100.000     | 6.471.300.000   |
| Cổ tức phải trả        | 7.586.071.750     | 8.649.731.250   |
| Phải trả ngắn hạn khác | 551.114.314       | 39.136.000      |
|                        | 15.920.286.064    | 15.160.167.250  |

**14. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

|                            | 1/1/2021<br>Giá trị ghi sổ/số có<br>khả năng trả nợ<br>VND | Biến động trong năm |                   | 31/12/2021<br>Giá trị ghi sổ/số có<br>khả năng trả nợ<br>VND |
|----------------------------|--|---------------------|-------------------|--|
|                            |  | Tăng<br>VND         | Giảm<br>VND       |  |
| Vay ngắn hạn               | 86.070.834.692   | 207.708.535.846     | (293.779.370.538) | -  |
| Vay dài hạn<br>đến hạn trả | 8.044.000.000  | 7.490.434.790       | (8.044.000.000)   | 7.490.434.790  |
|                            | 94.114.834.692   | 215.198.970.636     | (301.823.370.538) | 7.490.434.790  |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

|  | Loại<br>tiền | Lãi suất<br>năm | 31/12/2021<br>VND | 1/1/2021<br>VND |
|--|--------------|-----------------|-------------------|-----------------|
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần<br>Công Thương Việt Nam - Chi<br>nhánh Quang Minh (*) | VND          | 4,3% - 6,2%     | -                 | 86.070.834.692  |

(\*) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam ("Vietinbank") - Chi nhánh Quang Minh có hạn mức tín dụng là 85.000 triệu VND và được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình như được trình bày ở Thuyết minh 14(b).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

|                                       | <b>31/12/2021</b> | <b>1/1/2021</b> |
|---------------------------------------|-------------------|-----------------|
|                                       | <b>VND</b>        | <b>VND</b>      |
| Vay dài hạn                           | 10.632.278.514    | 16.659.588.090  |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | (7.490.434.790)   | (8.044.000.000) |
|                                       | 3.141.843.724     | 8.615.588.090   |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

|                                       | <b>Loại tiền</b> | <b>Lãi suất năm</b> | <b>Năm đáo hạn</b> | <b>31/12/2021</b> | <b>1/1/2021</b> |
|---------------------------------------|------------------|---------------------|--------------------|-------------------|-----------------|
|                                       |                  |                     |                    | <b>VND</b>        | <b>VND</b>      |
| Vietinbank – Chi nhánh Quang Minh (*) | VND              | 8,3% - 9,6%         | 2022 - 2023        | 10.632.278.514    | 16.659.588.090  |

(\*) Khoản vay dài hạn này có hạn mức tín dụng là 50.000 triệu VND.

Khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ Vietinbank – Chi nhánh Quang Minh được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 140.919 triệu VND (1/1/2021: 181.813 triệu VND) (Thuyết minh 9).

**15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

|   | <b>2021</b>     | <b>2020</b>     |
|---|-----------------|-----------------|
|   | <b>VND</b>      | <b>VND</b>      |
| Số dư đầu năm   | 2.459.497.109   | 3.064.931.472   |
| Trích lập trong năm từ lợi nhuận năm 2020 (Thuyết minh 16)                | 2.600.000.000   | 1.300.000.000   |
| Trích lập trong năm từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 16) | 1.300.000.000   | 3.177.037.299   |
| Chuyển sang phải trả ngắn hạn khác  | (384.401.714)   | -               |
| Sử dụng trong năm   | (3.163.499.604) | (5.082.471.662) |
|   | 2.811.595.791   | 2.459.497.109   |

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

|   | <b>Vốn cổ phần<br/>VND</b> | <b>Quỹ đầu tư<br/>phát triển<br/>VND</b> | <b>Lợi nhuận sau thuế<br/>chưa phân phối<br/>VND</b> | <b>Tổng<br/>VND</b> |
|---|----------------------------|--|--|---------------------|
| <b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>  | 125.000.000.000            | 23.517.055.477                           | 91.341.106.765                                       | 239.858.162.242     |
| Lợi nhuận thuần trong năm   | -                          | -  | 11.290.760.012                                       | 11.290.760.012      |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2020 (Thuyết minh 15)                | -                          | -  | (1.300.000.000)                                      | (1.300.000.000)     |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 15) | -                          | -  | (3.177.037.299)                                      | (3.177.037.299)     |
| Cổ tức (Thuyết minh 18)   | -                          | -  | (18.750.000.000)                                     | (18.750.000.000)    |
| <b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>  | 125.000.000.000            | 23.517.055.477                           | 79.404.829.478                                       | 227.921.884.955     |
| Lợi nhuận thuần trong năm   | -                          | -  | 18.462.993.341                                       | 18.462.993.341      |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2020 (Thuyết minh 15)                | -                          | -  | (2.600.000.000)                                      | (2.600.000.000)     |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 15) | -                          | -  | (1.300.000.000)                                      | (1.300.000.000)     |
| Điều chỉnh quỹ công tác xã hội  | -                          | -  | (112.907.600)  | (112.907.600)       |
| Cổ tức (Thuyết minh 18)   | -                          | -  | (18.750.000.000)                                     | (18.750.000.000)    |
| <b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>  | 125.000.000.000            | 23.517.055.477                           | 75.104.915.219                                       | 223.621.970.696     |

## Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 17. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

|   | 31/12/2021 và 1/1/2021 |                 |
|---|------------------------|-----------------|
|   | Số cổ phiếu            | VND             |
| <b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b> |                        |                 |
| Cổ phiếu phổ thông                            | 12.500.000             | 125.000.000.000 |
| <b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>              |                        |                 |
| Cổ phiếu phổ thông                            | 12.500.000             | 125.000.000.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

## 18. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 16 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2020 cho các cổ đông là 18.750 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, trong đó 6.250 triệu VND đã được ứng trước cho các cổ đông trong năm 2020 (2020: phân phối cổ tức cho các cổ đông là 31.250 triệu VND, tương đương 2.500 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019, trong đó 18.750 triệu VND đã được ứng trước cho các cổ đông trong năm 2019).

Tại cuộc họp ngày 18 tháng 12 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 6.250 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (tương đương 500 VND/cổ phiếu) (2020: tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 6.250 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

## 19. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## 20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

### Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

|  | 31/12/2021<br>VND | 1/1/2021<br>VND |
|--|-------------------|-----------------|
| Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng | 10.934.264.000    | -               |

## 21. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

|   | 2021<br>VND       | 2020<br>VND       |
|---|-------------------|-------------------|
| Tổng doanh thu  |                   |                   |
| ▪ Bán thành phẩm  | 387.169.169.179   | 340.589.266.218   |
| <i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt</i> | 737.037.989.075   | 645.305.101.660   |
| <i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>                                     | (349.868.819.896) | (304.715.835.442) |
| ▪ Doanh thu khác  | 4.190.420.875     | 4.953.440.194     |
|   | 391.359.590.054   | 345.542.706.412   |

## 22. Giá vốn hàng bán

|                       | 2021<br>VND     | 2020<br>VND     |
|-----------------------|-----------------|-----------------|
| Tổng giá vốn hàng bán |                 |                 |
| ▪ Thành phẩm đã bán   | 351.353.869.086 | 308.119.153.384 |
| ▪ Giá vốn khác        | 2.007.722.092   | 8.461.420.913   |
|                       | 353.361.591.178 | 316.580.574.297 |



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                           | <b>2021</b><br><b>VND</b> | <b>2020</b><br><b>VND</b> |
|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí nhân viên         | 8.514.835.814             | 7.118.740.251             |
| Chi phí khấu hao          | 898.111.201               | 1.413.128.852             |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.755.834.753             | 3.291.069.855             |
| Chi phí quản lý khác      | 1.992.777.006             | 565.722.344               |
|                           | <hr/>                     | <hr/>                     |
|                           | 15.161.558.774            | 12.388.661.302            |

**24. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

|  | <b>2021</b><br><b>VND</b> | <b>2020</b><br><b>VND</b> |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 270.820.090.151           | 245.816.237.003           |
| Chi phí nhân công và nhân viên                 | 22.444.446.064            | 20.012.870.816            |
| Chi phí khấu hao và phân bổ                    | 42.355.547.112            | 41.657.677.249            |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                      | 30.487.864.870            | 22.046.897.793            |
| Chi phí khác                                   | 2.978.299.650             | 4.514.323.200             |
|  | <hr/>                     | <hr/>                     |

**25. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

|  | <b>2021</b><br><b>VND</b> | <b>2020</b><br><b>VND</b> |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành |                           |                           |
| Năm hiện hành                                | 3.413.723.449             | 984.766.797               |
|  | <hr/>                     | <hr/>                     |

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

|                                      | <b>2021</b><br><b>VND</b> | <b>2020</b><br><b>VND</b> |
|--------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế         | 21.876.716.790            | 12.275.526.809            |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | 3.281.507.519             | 1.841.329.021             |
| Chi phí không được khấu trừ thuế     | 132.215.930               | 128.204.573               |
| Ưu đãi thuế                          | -                         | (984.766.797)             |
|                                      | <b>3.413.723.449</b>      | <b>984.766.797</b>        |

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm tính từ năm đầu tiên đi vào hoạt động (2011). Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ 2011 đến 2013) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ 2014 đến 2020).

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

**26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

|  | <b>2021</b><br><b>VND</b> | <b>2020</b><br><b>VND</b><br><b>(Điều chỉnh lại)</b> |
|--|---------------------------|--|
| Lợi nhuận thuần trong năm                  | 18.462.993.341            | 11.290.760.012                                       |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi            | -                         | (3.900.000.000)                                      |
| Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông | <b>18.462.993.341</b>     | <b>7.390.760.012</b>                                 |

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được điều chỉnh lại theo số thực trích theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên vào ngày 16 tháng 4 năm 2021. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được điều chỉnh lại thành 591 VND/cổ phiếu do điều chỉnh số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (theo báo cáo trước đây: 903 VND/cổ phiếu).

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 12.500.000 cổ phiếu.

**27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

|   | Giá trị giao dịch |                 |
|---|-------------------|-----------------|
|   | 2021<br>VND       | 2020<br>VND     |
| <b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b> |                   |                 |
| Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)              | 645.650.321.719   | 558.439.035.140 |
| Mua nguyên vật liệu   | 211.831.068.532   | 191.439.544.538 |
| Cổ tức đã trả   | 5.068.125.000     | 5.068.125.000   |
| <b>Công ty TNHH Thương mại Chiêu Xuân</b>                       |                   |                 |
| Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)              | -                 | 4.059.104.530   |
| <b>Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân</b>            |                   |                 |
| Cổ tức đã trả   | 1.279.575.000     | 1.279.575.000   |
| <b>Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh</b>        |                   |                 |
| Mua hàng hóa  | 576.290.000       | 545.600.000     |
| <b>Công ty TNHH Tân Hạnh Nguyên</b>                             |                   |                 |
| Mua hàng hóa  | 680.270.000       | 713.664.000     |
| <b>Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây</b>                            |                   |                 |
| Mua hàng hóa  | -                 | 20.454.545      |
| <b>Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Sa Be Co</b>              |                   |                 |
| Mua dịch vụ   | -                 | 120.000.000     |
| <b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam</b>                   |                   |                 |
| Mua hàng hóa  | 31.900.000        | -               |

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

|  | Giá trị giao dịch |             |
|--|-------------------|-------------|
|  | 2021<br>VND       | 2020<br>VND |
| <b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>    |                   |             |
| <i>Thù lao</i>                         |                   |             |
| Ông Nguyễn Hoàng Giang – Chủ tịch      | 144.000.000       | 18.000.000  |
| Ông Võ Sỹ Dũng – Thành viên            | 108.000.000       | 108.000.000 |
| Bà Nguyễn Thu Hương – Thành viên       | 108.000.000       | 108.000.000 |
| Ông Bùi Văn Thiêng – Thành viên        | 108.000.000       | 108.000.000 |
| Ông Lê Hoài Thanh – Thành viên         | 108.000.000       | 108.000.000 |
| <b>Thành viên quản lý chủ chốt</b>     |                   |             |
| Lương, thưởng và các phúc lợi khác     | 1.035.915.000     | 838.689.000 |
| <b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>        |                   |             |
| <i>Thù lao</i>                         |                   |             |
| Ông Nguyễn Tiến Thọ – Trưởng ban       | 117.000.000       | 117.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Hương Giang – Thành viên | 72.000.000        | 72.000.000  |
| Bà Nguyễn Hồ Bảo Ngọc – Thành viên     | 72.000.000        | 72.000.000  |

**28. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

|   | 2021<br>VND | 2020<br>VND |
|---|-------------|-------------|
| Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán | 305.067.264 | -           |

**29. Thông tin so sánh**

Ngoại trừ lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh lại như được trình bày ở Thuyết minh 26, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Trần Bích Thủy  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Văn Thiêng  
Giám đốc

